ĐẢNG BỘ HUYỆN PÁC NẶM

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ NHẠN MÔN

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ NHẠN MÔN
(1947 - 2015)

XUẤT BẢN NĂM 2018

LỜI GIỚI THIỆU

Thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư "Về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng", để ghi lại chặng đường lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân nhằm giáo dục lòng yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho các thế hệ mai sau; tăng cường sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng, sự gắn bó giữa Đảng và nhân dân; rút ra những bài học kinh nghiệm, nâng cao trình độ lãnh đạo và năng lực của cấp ủy Đảng, cán bộ, đảng viên để hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ trong giai đoạn mới, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nhạn Môn khóa XXI (nhiệm kỳ 2015 - 2020) quyết định nghiên cứu và biên soạn cuốn ***"Lịch sử Đảng bộ xã Nhạn Môn (1947 - 2015)"***.

Nội dung cuốn "Lịch sử Đảng bộ xã Nhạn Môn (1947 - 2015)" phản ánh: Quá trình vận động giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945; sự ra đời của Chi bộ Đảng (tiền thân là Chi bộ Giáo Hiệu - Yên Minh ra đời năm 1948); Chi bộ Đảng lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống thực dân Pháp, khôi phục và cải tạo kinh tế, bước đầu phát triển văn hóa - xã hội, thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất; lãnh đạo nhân dân vừa phát triển sản xuất vừa chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, tích cực chi viện sức người, sức của cho

chiến trường miền Nam; từ sau năm 1975 là quá trình xây dựng quê hương theo con đường chủ nghĩa xã hội. Năm 1997, Chi bộ Đảng xã Nhạn Môn được nâng cấp thành Đảng bộ trực thuộc Huyện ủy Ba Bể. Năm 2003, huyện Pác Nặm được thành lập, Đảng bộ xã Nhạn Môn trực thuộc Huyện ủy Pác Nặm. Cuốn sách cũng trình bày quá trình lãnh đạo nhân dân tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn của Đảng bộ xã Nhạn Môn.

Cuốn sách được biên soạn khách quan, khoa học theo tiến trình các sự kiện lịch sử diễn ra tại Nhạn Môn, đặt trong mối quan hệ với lịch sử dân tộc, đồng thời là công trình tri ân với lớp lớp cha anh đi trước đã cống hiến, hy sinh vì hòa bình, ấm no của quê hương. Ban Chấp hành Đảng bộ hy vọng đây sẽ là tài liệu chính thống về truyền thống cách mạng, là bản lý lịch tương đối đầy đủ của Đảng bộ và nhân dân địa phương; đáp ứng công tác xây dựng Đảng, góp phần giáo dục, bồi dưỡng truyền thống yêu nước và cách mạng cho các thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã, đặc biệt là lớp trẻ hôm nay và mai sau.

Quá trình sưu tầm, nghiên cứu thực hiện cuốn sách dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Pác Nặm, sự đóng góp của các bậc tiền bối, các thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân địa phương, đặc biệt là sự tư vấn của Công ty Cổ phần Sách và Truyền

thông Văn hóa Việt. Mặc dù có nhiều nỗ lực để tái hiện lịch sử Đảng bộ xã Nhạn Môn qua các thời kỳ, song do tài liệu lưu trữ và các nhân chứng lịch sử mai một nhiều, cuốn sách không tránh khỏi hạn chế, thiếu sót. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nhạn Môn rất mong nhận được ý kiến đóng góp quý báu của các đồng chí cán bộ, đảng viên, nhân dân và bạn đọc để cuốn sách hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc!

T/M BCH ĐẢNG BỘ XÃ NHẠN MÔN

BÍ THƯ

Lục Thanh Bình

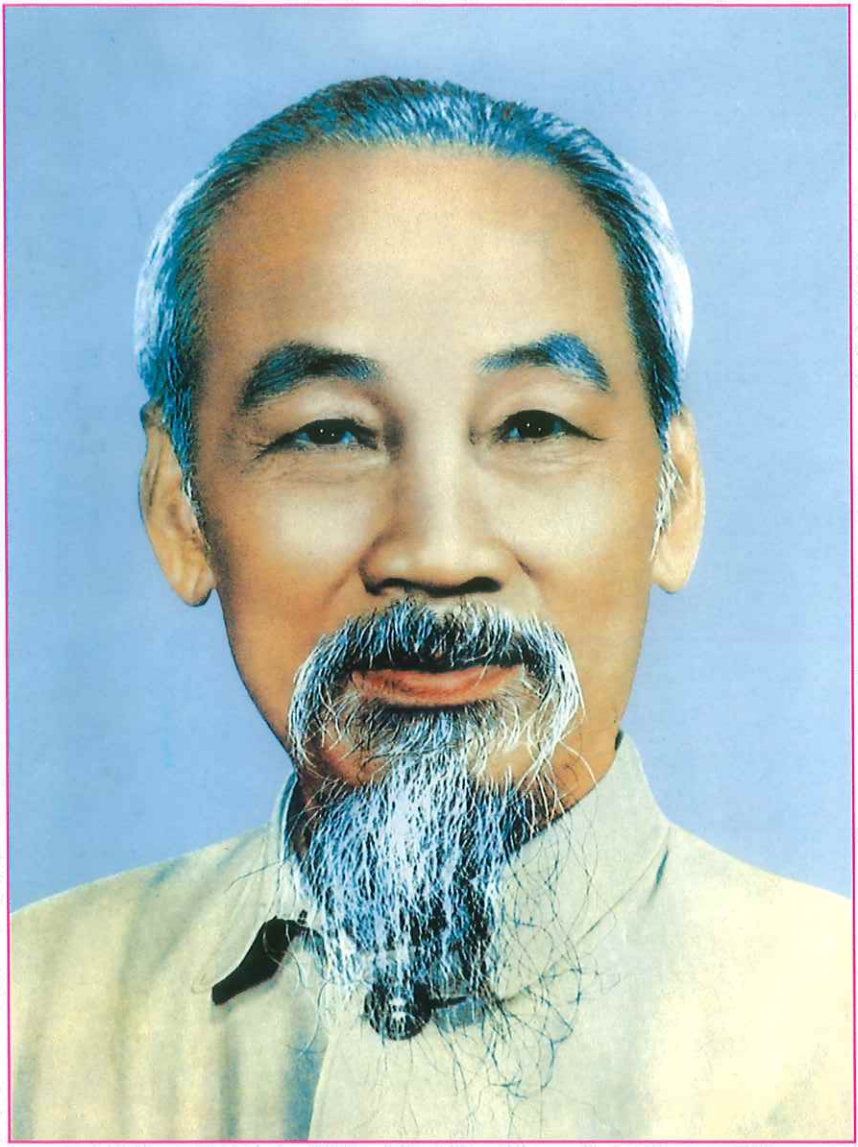

"Dân ta phải biết sử ta
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam"

Chủ tịch Hồ Chí Minh

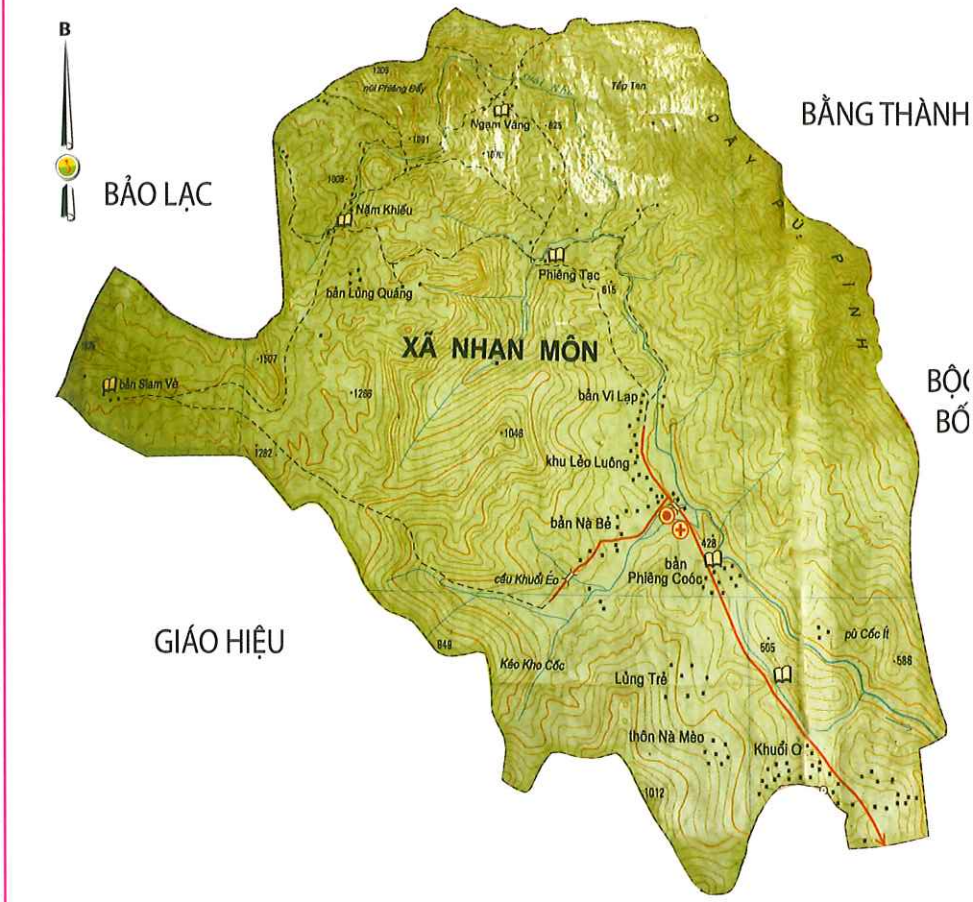

Bản đồ hành chính xã Nhạn Môn

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
TỈNH BẮC KẠN
TẶNG

BẰNG KHEN

TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

Đảng bộ xã Nhạn Môn, huyện Ba Bể
Đạt tiêu chuẩn tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh
5 năm liền (1996 - 2000)

Ngày 20 tháng 02 năm 2001
TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

QĐ số ...-QĐ/TU
Ghi sổ khen thưởng ...-02/2001

Hà Ký Toàn

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
TỈNH BẮC KẠN
TẶNG

BẰNG KHEN

Đảng bộ xã Nhạn Môn, huyện Pác Nặm
Đã có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII)

Ngày 22 tháng 5 năm 2013
TM. BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

QĐ số ...1285 - QĐ/TU
Ghi sổ khen thưởng...

Hà Văn Khoát

Một số Bằng khen của tỉnh tặng thưởng cán bộ và nhân dân xã Nhạn Môn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
TẶNG

BẰNG KHEN

NHÂN DÂN VÀ CÁN BỘ
XÃ NHẠN MÔN, HUYỆN BA BỂ
Đã có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện cuộc
vận động xây dựng nếp sống văn hoá, từ năm 1997 đến 2002

Bắc Kạn, ngày 02 tháng 12 năm 2002
TM UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
Chủ tịch

Mai Thế Dương

Đã vào sổ khen thưởng
Số 2331 /QĐ-KT
Ngày 02 tháng 12 năm 2002

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

TẶNG

BẰNG KHEN

Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục
Xã Nhạn Môn, huyện Pác Nặm

Đã có thành tích xuất sắc trong 10 năm thực hiện công tác Phổ cập giáo dục Trung học cơ sở (giai đoạn 2001 - 2010)

Bắc Kạn, ngày 18 tháng 01 năm 2011

CHỦ TỊCH

Hoàng Ngọc Đường

Theo QĐ số 63 (Ngày 18/01/2011
Vào sổ KT số: 05

Một số Bằng khen của tỉnh tặng thưởng cán bộ và nhân dân xã Nhạn Môn

Chương I
XÃ NHẠN MÔN - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

I. Vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên, hành chính

1. Vị trí địa lý và đặc điểm tự nhiên

Xã Nhạn Môn là xã miền núi nằm ở phía Bắc huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Về địa giới hành chính, Nhạn Môn giáp 5 xã: Phía Đông giáp xã Bằng Thành; phía Tây giáp 2 xã Giáo Hiệu và Công Bằng; phía Nam giáp xã Bộc Bố; phía Bắc giáp xã Sơn Lập (huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng).

Xã Nhạn Môn có địa hình tương đối phức tạp, bị chia cắt mạnh, núi cao xen kẽ những thung lũng nhỏ hẹp và độ dốc lớn. Những dãy núi trùng điệp ở đây đều được xếp nằm trong cánh cung sông Gâm[1]. Trên địa bàn Nhạn Môn có các núi cao trên 1.000m như Pù Pình, Slam Vè... Về không gian, Nhạn Môn như lòng chảo được bao bọc bởi các dãy núi cao xung quanh. Các dãy núi chạy song song án ngữ hai mặt Đông - Tây; phía Đông là ngọn núi Pù Pình cao 1.600m, là điểm phân định ranh giới với xã Bằng Thành; ở phía Tây là dãy Slam Vè cao 1.800m, là

1. Đây là một nếp lồi liên tục chạy từ cao nguyên Lang Ca Phu đến dãy núi Tam Đảo, qua Bắc Kạn, Tuyên Quang, trên cánh cung có rất nhiều đỉnh núi cao.

điểm tiếp giáp với xã Công Bằng. Địa hình thấp dần về trung tâm xã, nơi có các thung lũng nhỏ và hẹp.

Địa hình ở Nhạn Môn được chia làm 3 dạng chính: Địa hình đồi núi cao bao gồm các dãy núi có độ cao từ 800 - 1.800m, chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, chiếm gần 65% tổng diện tích tự nhiên của xã. Dạng địa hình này thường có độ dốc lớn (từ 20 - 30^0) và bị chia cắt mạnh. Địa hình đồi núi trung bình bao gồm các dãy núi có độ cao từ 400 - 800m, chạy theo hướng Đông Nam và phân bố tập trung dọc hai bên bờ suối bản SLấng, độ dốc phổ biến từ 15 - 20^0 và bị chia cắt, chiếm gần 25% tổng diện tích tự nhiên toàn xã. Địa hình thấp bằng là các dải đất khá bằng phẳng phân bố dưới chân dãy núi cao hoặc nằm dọc hai bên bờ sông, suối và tập trung ở gần khu vực trung tâm xã là các thôn: Vi Lạp, Nà Bẻ, Phai Khỉm và Khuổi Ỏ.

Về thổ nhưỡng, tổng diện tích đất tự nhiên của xã là 4.434,51ha, chiếm 8% diện tích tự nhiên của huyện Pác Nặm. Đất đai khá đa dạng với nhiều loại đất khác nhau. Đất thung lũng dốc tụ (30ha) nằm dưới chân núi cao hoặc dưới khe suối nhỏ hẹp hình thành trong quá trình rửa trôi, xói mòn. Nhóm đất đỏ vàng có 2 loại là đất đỏ vàng trên đá sét và đất trên đá cát (3.215ha, chiếm 73,1% diện tích tự nhiên), phân bố tập trung trên địa hình đồi núi cao và trung bình, đóng vai trò quan trọng trong sản xuất của xã; đất mùn vàng nhạt trên đá mắc-ma (1.076,5ha, chiếm

24,3% diện tích tự nhiên), phân bố trên các đỉnh núi cao (núi Thôm Bon, Nặm Khiếu, Lủng Pảng, Pù Pình...); đất phù sa ngòi, suối (76ha, chiếm 1,7% diện tích tự nhiên) phân bố dọc các thung lũng, nơi địa hình thấp, tập trung nhiều ở các thôn Nà Bẻ, Phai Khỉm, Vi Lạp, Khuổi Ỏ.

Nhạn Môn có khá nhiều sông, suối, đây là nguồn cung cấp nước dồi dào cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân. Tổng chiều dài của các sông, suối là hơn 40km, trong đó suối Phiêng Tạc, suối Nặm Khiếu, suối Bản Slấng, suối Nà Bẻ là những dòng lớn nhất. Những dòng suối này chảy dọc từ Bắc xuống Nam. Tuy nhiên có những tháng, lượng mưa lớn có thể làm nước suối lên cao gây lũ quét, lũ ống làm thiệt hại tới nhà cửa và cây trồng của nhân dân. Về mùa khô, do lòng suối hẹp, dốc, nên khó giữ nước, mực nước suối hạ thấp. Để đáp ứng đủ nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt hằng ngày của người dân, xã đã đầu tư xây dựng hệ thống đập, phai nhỏ, kênh mương như các đập: Nà Há, Nà Bẻ, Phiêng Tạc, Nà Mèo, Lủng Chẻ, Nà Moòng, Phai Khỉm, Nà Nghịu, Phai Buông, Nà Phát... và các công trình nước sạch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của người dân. Do độ dốc lớn, lòng suối hẹp nên các con suối hầu hết đều không có giá trị về mặt giao thông đường thủy.

Theo sách *"Đồng Khánh địa dư chí"* thì vùng này *"Khí trời nhiều lạnh rét, khí đất ẩm ướt, cuối xuân còn lạnh, đến mùa hạ mới hơi nóng, đầu thu đã rét, đến mùa đông*

rét đậm. Mùa đông và mùa xuân sương mù khí núi che phủ bầu trời, trước giờ Tỵ sau giờ Thân tứ nhìn quanh không thấy núi"[1]. Khí hậu ở Nhạn Môn mang những nét đặc trưng của kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa nhưng có ảnh hưởng bởi tính chất địa hình. Nhạn Môn có một mùa đông tương đối khắc nghiệt, có gió mùa Đông Bắc thổi mạnh. Tháng 01 là tháng có nhiệt độ xuống thấp nhất (3 - 5^{0}C). Mùa đông cũng là thời điểm mùa khô diễn ra (từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau), lượng mưa chỉ chiếm khoảng 15% lượng mưa cả năm. Mùa hè thời tiết tương đối mát mẻ, tháng có nhiệt độ cao nhất là các tháng 6, 7, 8 (nhiệt độ trung bình dao động từ 27,2 - 27,5^{0}C). Mưa tập trung chủ yếu vào mùa hè, lượng mưa ở Nhạn Môn thuộc loại trung bình (khoảng 1.400mm) tập trung nhiều vào các tháng 6, 7, 8, dễ gây lũ quét, lũ ống ở những nơi địa hình thấp, thời gian có thể kéo dài từ 1 - 3 ngày gây ách tắc giao thông và thiệt hại nhà cửa, hoa màu của nhân dân trong vùng.

Trước đây, rừng phủ khắp địa bàn Nhạn Môn, đa phần là rừng già. Trong rừng có nhiều loài sinh vật quý hiếm như: "*tre vầu, mây, sa nhân, gỗ sến, táu, lợn rừng, hươu, nai, gà rừng...*"[2]. Rừng đem đến nguồn lợi to lớn cho người dân. Từ xưa, cư dân nơi đây đã dựa vào rừng, khai thác và săn bắn, làm nương rẫy... lâu dần qua thời gian hình thành tập quán sản xuất. Trong những năm đấu tranh

1, 2. *Đồng Khánh địa dư chí tập 1*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2003, tr.820.

giải phóng dân tộc, rừng là nơi ẩn náu, bảo vệ nhân dân. Tuy nhiên, trước những năm 80 thế kỷ XX, do bị khai phá bừa bãi nên diện tích rừng tự nhiên đã bị thu hẹp. Nhận thức được điều đó, trong những năm gần đây, Đảng bộ và nhân dân Nhạn Môn đã tập trung bảo vệ diện tích rừng phòng hộ và phát triển việc trồng mới rừng, đặc biệt là rừng sản xuất. Hiện nay, trong những khu rừng tự nhiên của xã Nhạn Môn vẫn còn một số động vật quý hiếm như: hổ, báo, hươu, nai, trăn, rùa, rắn... với số lượng ít, đánh dấu sự phục hồi rừng và công tác bảo vệ động vật quý hiếm đã được chú trọng.

Nhạn Môn nằm ở phía Bắc của huyện Pác Nặm, địa hình nhiều đồi núi cao lại bị cắt xẻ mạnh nên việc đi lại của nhân dân gặp rất nhiều khó khăn. Trước đây, xã chưa có đường lớn, chỉ có những con đường nhỏ ven theo các chân núi. Đường nhỏ, gập ghềnh lại có cả dốc đá chênh vênh nên dù chỉ cách trung tâm huyện chưa đầy chục cây số nhưng việc đi lại của người dân có khi mất cả ngày. Gần đây, con đường vào xã đã được trải nhựa, ô tô có thể vào tới trung tâm xã dễ dàng. Các tuyến đường giao thông liên thôn cũng đã được kiên cố một phần ở các thôn vùng thấp như Khuổi Ỏ, Phai Khỉm, Nà Bẻ, Vi Lạp... còn lại đường đến các thôn vùng cao xa trung tâm như Slam Vè, Ngảm Váng, Nặm Khiếu, Phiêng Tạc... vẫn chưa được trải nhựa, muốn vào các thôn này phải đi qua những con đường mòn, việc đi lại cực kỳ khó khăn, nhất

là vào mùa mưa lũ. Từ Nhạn Môn, theo đường liên xã nối với xã Bộc Bố khoảng 7km là tới tuyến Tỉnh lộ 258B. Đây là tuyến đường có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với hoạt động giao thương của nhân dân trong xã. Theo tuyến Tỉnh lộ này, dễ dàng xuôi xuống phía Nam tới Ba Bể, Bạch Thông, vận tải đường bộ, tạo sự liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Sự thay đổi đơn vị hành chính qua các thời kỳ

Nhạn Môn là vùng đất có lịch sử lâu đời, phát triển liên tục theo những thăng trầm của dân tộc. Quá trình tụ cư của nhân dân nơi đây gắn liền với sự phát sinh, phát triển của vùng đất này. Các dân tộc trong quá trình di cư đã đặt chân đến và lựa chọn Nhạn Môn là nơi sinh sống, lập thôn.

Tên địa danh Nhạn Môn đã có từ lâu, trải qua nhiều lần chia tách, sáp nhập nhưng về cơ bản không có nhiều thay đổi so với ngày nay. Ngược dòng lịch sử, vào thời Lý, vùng đất Nhạn Môn ngày nay thuộc về huyện Vĩnh Thông. Đến thời Lê, nằm ở châu Bạch Thông thuộc phủ Thông Hóa, trấn Thái Nguyên[1]. Như vậy, muộn nhất từ khoảng thế kỷ XV, vùng đất Nhạn Môn đã được biết đến là nơi sinh sống ổn định của cư dân các dân tộc.

1. Năm Quang Thuận thứ 5 (năm 1464) thời vua Lê Thánh Tông, nước ta được chia thành 1 phủ và 12 đạo "thừa tuyên"; năm 1490 đổi gọi phần lớn các "thừa tuyên" là "xứ"; sang thời Lê Uy Mục và Lê Tương Dực đổi gọi các đơn vị cấp cao nhất là "trấn".

Trong tác phẩm *"Các trấn tổng xã danh bị lãm"* của nhiều tác giả ghi chép từ năm 1810 đến năm 1813 (dưới triều vua Gia Long 1802 - 1819), cho thấy: xã Nhạn Môn là một trong 9 xã của tổng Thượng Giáo, châu Bạch Thông, phủ Thông Hóa, xứ Thái Nguyên[1].

Từ năm 1884 đến năm 1888, thực dân Pháp lần lượt đem quân đánh chiếm các tỉnh khu Đông Bắc. Sau khi hoàn thành công cuộc chinh phục và bình định căn bản khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc, để thống trị và bóc lột nhân dân, ngày 11/4/1900, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định tách một phần đất thuộc tỉnh Thái Nguyên thành lập tỉnh Bắc Kạn gồm 4 châu: Bạch Thông, Chợ Rã, Thông Hóa (sau đổi thành Na Rì) và Cảm Hóa (sau đổi thành Ngân Sơn). Lúc này, Nhạn Môn tiếp tục ổn định là một đơn vị hành chính cấp xã thuộc về châu Chợ Rã.

Dưới thời Pháp thuộc, năm 1916, châu Chợ Rã có 5 tổng, trong đó có 2 tổng mới thành lập là Giáo Hiệu và Nam Mẫu. Theo sách *"Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ"* của Ngô Vi Liễn viết năm 1927, thì địa danh Nhạn Môn khi đó nằm trong tổng Giáo Hiệu cùng với 7 xã khác[2].

---

1. Xã Nhạn Môn khi đó cùng với 8 xã: Địa Linh, Công Bật, Xuân Phương, Cao Trĩ, Bành Trạch, Hồng La, Bạo Thị và Nhân Tiếp thuộc về tổng Thượng Giáo. *Địa danh làng xã Việt Nam thế kỷ XIX*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2012, tr.104.

2. Tổng Giáo Hiệu khi đó gồm có 8 xã: Nhạn Môn, Bằng Thành, Bộc Bố, Cỏ Đạo, Cổ Linh, Công Bằng, Giáo Hiệu, Xuân La. Ngô Vi Liễn, *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1999, tr.26-27.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, địa giới hành chính và tên gọi của xã cũng có những thay đổi cho phù hợp với nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ mới. Xã Nhạn Môn khi đó được đổi tên thành Bằng Tạo, đến đầu năm 1946 tiếp tục được đổi thành Hiệp Lực. Đầu năm 1947, theo chỉ đạo của cấp trên, các xã nhỏ được sáp nhập thành xã lớn. Lúc này, Hiệp Lực và Công Bằng được sáp nhập trở thành xã Yên Minh, thuộc huyện Chợ Rã, tỉnh Bắc Kạn[1].

Từ năm 1954, xã Yên Minh được tách ra làm 2 xã là Việt Hoa (Nhạn Môn ngày nay) và Hưng Thịnh (Công Bằng). Đầu năm 1964, xã Việt Hoa đổi tên lại là Nhạn Môn và ổn định từ đó cho đến ngày nay.

Ngày 21/4/1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra Nghị định số 103/NĐ-TVQH thành lập tỉnh Bắc Thái trên cơ sở hợp nhất hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. Xã Nhạn Môn khi đó thuộc huyện Chợ Rã, tỉnh Bắc Thái.

Xuất phát từ yêu cầu bảo vệ Tổ quốc, theo đề nghị của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Lạng[2] và Bắc Thái, kỳ họp

1. Đến ngày 25/3/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành Sắc lệnh số 148/SL bỏ các danh từ phủ, châu, tổng, kể từ đó, cấp trên cấp xã và dưới cấp tỉnh thống nhất gọi là huyện.

2. Tỉnh Cao Lạng được thành lập theo Nghị quyết của Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 27/12/1975 trên cơ sở hợp nhất hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn. Ngày 29/12/1978, kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa VI ra nghị quyết chia tỉnh Cao Lạng để tái lập tỉnh Cao Bằng và tỉnh Lạng Sơn.

thứ 4 của Quốc hội khóa VI nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 29/12/1978 quyết nghị sáp nhập hai huyện Ngân Sơn và Chợ Rã của tỉnh Bắc Thái vào tỉnh Cao Bằng. Xã Nhạn Môn lúc này thuộc về huyện Chợ Rã, tỉnh Cao Bằng.

Theo Quyết định số 144-HĐBT ngày 06/11/1984, huyện Chợ Rã đổi tên thành huyện Ba Bể, Nhạn Môn nằm dưới sự quản lý của huyện Ba Bể, tỉnh Cao Bằng.

Thực hiện Quyết định số 03-QĐ/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 05/01/1987, 5 thôn Nà Lẩy, Khuổi Bẻ, Lủng Pảng, Ngã Ba, Khâu Đấng (1.210ha với 718 nhân khẩu) của xã Nhạn Môn được cắt về xã Bộc Bố.

Ngày 06/11/1996, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX, kỳ họp thứ 10 đã phê chuẩn việc chia tỉnh Bắc Thái thành 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. Tỉnh Bắc Kạn được tái lập. Các huyện Ngân Sơn, Ba Bể (Chợ Rã) được tái nhập lại tỉnh Bắc Kạn, xã Nhạn Môn trở lại dưới sự quản lý hành chính của tỉnh Bắc Kạn như trước năm 1978.

Ngày 28/5/2003, Nhạn Môn cùng với 9 xã khác ở phía Bắc của huyện Ba Bể được tách ra để thành lập huyện Pác Nặm theo Nghị định số 56/NĐ-CP của Chính phủ.

Hiện nay, xã Nhạn Môn có 8 thôn, trong đó có 4 thôn vùng thấp gồm: Phai Khỉm, Nà Bẻ, Vi Lạp, Khuổi Ỏ và

4 thôn vùng cao gồm: Slam Vè, Phiêng Tạc, Nặm Khiếu, Ngảm Váng.

II. Đặc điểm dân cư, điều kiện kinh tế - xã hội và truyền thống lịch sử, văn hóa

1. Đặc điểm dân cư và điều kiện kinh tế - xã hội

Xã Nhạn Môn có 3 dân tộc Tày, Mông, Dao cùng sinh sống, trong đó người Tày là bộ phận cư dân đông nhất và cũng có mặt ở Nhạn Môn lâu đời nhất. Các dân tộc Mông và Dao có mặt muộn hơn, cách ngày nay khoảng 300 năm. Tính đến năm 2015, dân số toàn xã là 421 hộ với hơn 2.009 nhân khẩu, trong đó, dân tộc Tày chiếm 41,6%, dân tộc Mông chiếm 33,5% và dân tộc Dao chiếm 24,9% dân số.

Quá trình quần cư sinh sống và sản xuất đã tạo nên tính cố kết cộng đồng thôn, tương trợ nhau khi gặp khó khăn, đoàn kết trong lao động sản xuất. Mỗi dân tộc đều có ngôn ngữ và phong tục tập quán khác nhau tạo nên sự đa dạng về bản sắc văn hóa nhưng đều hòa vào nhịp sống của cộng đồng làng xã. Trong các thời kỳ kháng chiến chống giặc ngoại xâm, với truyền thống cách mạng vẻ vang, nhân dân các dân tộc trong xã luôn đoàn kết cùng với quân dân cả nước đánh đuổi kẻ thù xâm lược.

Trải qua bao đời, trồng trọt vẫn là nguồn sống chính của cư dân bản địa ở Nhạn Môn. Trên địa bàn xã có các thung lũng đất đai khá màu mỡ do quá trình bồi tụ của

các dòng suối, phù hợp cho việc sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, diện tích canh tác thuận lợi không nhiều, nhân dân địa phương phải khai thác cả sườn đồi, sườn núi làm nương rẫy. Thời phong kiến, đất đai trồng trọt vốn ít lại bị bộ máy cai trị ở địa phương chiếm đoạt, nhân dân thiếu thốn trăm bề. Lúc đó, việc cấy lúa được đặt lên hàng đầu, ngoài ra, nhân dân còn trồng hoa màu, chăn nuôi gia cầm và gia súc. Bị kìm kẹp bởi đủ các loại thuế má, lao dịch của chế độ phong kiến hà khắc nên đời sống cư dân rất khó khăn. Những năm sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ruộng đất về tay dân cày, nhân dân các dân tộc Nhạn Môn phấn khởi hăng say sản xuất, phục vụ nhu cầu của địa phương và đóng góp xứng đáng cho sự nghiệp kháng chiến cứu nước.

Mặt khác, là nơi tập trung sinh sống của nhiều dân tộc, mỗi dân tộc lại có tập quán sản xuất khác nhau. Người Tày ở đây sống ở những chân núi thấp, ven sông suối, nơi có những thung lũng màu mỡ thuận lợi cho hoạt động sản xuất, chủ yếu ở các thôn vùng thấp như Nà Bẻ, Vi Lạp, Phai Khỉm... Từ lâu, đồng bào đã biết thâm canh và áp dụng các biện pháp thủy lợi như: đào mương, bắc máng, đắp phai, dẫn nước vào ruộng. Ngoài trồng lúa nước, người Tày còn rất thành thạo trong việc phát nương trồng lúa rẫy, trồng ngô, khoai, sắn, bông và các loại cây khác trên những triền đất dốc và chăn nuôi trâu, bò. Hiện

nay, dân tộc Tày ở Nhạn Môn vẫn là những cư dân có trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao trong vùng.

Người Dao sinh sống trên những triền núi có độ cao trung bình, họ rất có kinh nghiệm trong việc phát nương, làm rẫy. Trước đây, tập quán cổ truyền của người Dao là du canh, du cư, trên mỗi triền đất họ chỉ canh tác 2 - 3 vụ rồi bỏ đi nơi khác, cuộc sống không ổn định. Ngày nay, đồng bào đã định canh, định cư, tập trung vào sản xuất, phát triển đời sống ở các thôn như: Slam Vè, Nặm Khiếu, Phiêng Tạc. Cây trồng chính của họ là lúa (cả lúa nếp và lúa tẻ), ngô (cây lương thực quan trọng thứ 2). Ngoài việc gieo trồng, đồng bào Dao ở đây còn chăn nuôi gia súc, gia cầm, vào rừng hái lượm lâm thổ sản, săn bắt, đánh cá ven suối, kéo sợi, may vá và dệt thổ cẩm.

Dân tộc Mông là những cư dân có mặt tương đối muộn trên đất Nhạn Môn. Họ sinh sống rải rác tại các thôn ở vùng cao và xa trung tâm như Slam Vè, Khuổi Ỏ, Nặm Khiếu, Ngảm Váng. Nguồn sống chính của đồng bào dựa vào sản xuất nông nghiệp trên nương rẫy (cũng có ruộng nước nhưng rất ít). Người Mông có nhiều kinh nghiệm trong canh tác nương rẫy. Cây lương thực chính là cây lúa, ngô, ngoài ra, trên các thửa ruộng bậc thang ở vùng cao, đồng bào vẫn thường trồng các loại hoa màu và rau củ. Cũng giống như người Tày và Dao, người Mông cũng có tập quán chăn nuôi gia súc và thu lượm lâm sản, thú rừng, trồng bông, kéo sợi, dệt thổ cẩm.

2. Truyền thống lịch sử, văn hóa

Bộ máy quản lý làng xã phong kiến ở Nhạn Môn có Hội đồng kỳ mục gồm các hương hào có phẩm hàm, học thức, hoặc là hưu quan trong xã. Mọi việc công tư phải trình với lý trưởng và Hội đồng kỳ mục mới được thi hành. Hội đồng kỳ mục có nhiệm vụ bàn bạc, quyết định công việc của làng xã như việc phân bổ thuế, chia cắt lao dịch, binh dịch, quyết định lễ hội, giữ gìn trật tự, giải quyết các tranh chấp, kiện tụng. Cùng với đó, việc quân sự, phu phen do trương tuần điều hành khi có yêu cầu của lý trưởng. Trong làng, ai có công việc gì thì phải mời kỳ mục trước, hàng tổng có việc gì to tát cũng phải mời đến kỳ mục các làng (vì chánh, phó tổng là do các làng bầu).

Thời phong kiến, cuộc sống của nhân dân được gắn kết bởi những quy định, hương ước[1]. Đến nay, hương ước cổ đã thất truyền, tuy nhiên, bên cạnh những quy định đã được thay đổi để thích nghi với hoàn cảnh, một số tập tục vẫn được giữ gìn như quy định về cưới hỏi, ma chay, lễ lạt...

Bên cạnh tổ chức bộ máy do chính quyền phong kiến lập nên, ở Nhạn Môn còn tồn tại song song những thiết chế xã hội cổ truyền của đồng bào các dân tộc ở đây. Do những phong tục, tập quán sản xuất, địa vực sinh sống và văn hóa

1. Hương ước là văn bản pháp lý của mỗi làng, ghi nhận các quy tắc xử sự chung mang tính bắt buộc đối với các thành viên trong làng xã, nhằm góp phần điều hòa các mối quan hệ xã hội trong cộng đồng.

khác nhau mà mỗi dân tộc lại có những thiết chế thôn bản đặc trưng cho dân tộc mình. Người Tày ở Nhạn Môn cũng giống như các vùng khác có tổ chức xã hội cổ truyền với thiết chế tự quản riêng, dựa trên cơ sở tập quán riêng. Mỗi bản làng của người Tày ở Nhạn Môn xưa kia chỉ có khoảng 20 - 30 nóc nhà, sống quần tụ. Trong thôn đều có nhiều dòng họ cùng chung sống và quan hệ láng giềng được coi là quan hệ chủ đạo. Người Tày ở địa phương có những dòng họ Cà, Hoàng, Ma, Nông, Chu là có số nhân khẩu đông hơn. Trong các thôn bản, người đứng đầu được gọi là trưởng thôn. Về chức năng, trưởng thôn là đại diện cho thiết chế tự quản, thể hiện ý chí của cộng đồng, thực hiện các chức năng đối nội và đối ngoại đối với thôn bản và cấp trên. Tuy nhiên, lâu dần qua thời gian, từ một hình thức phi quan phương, trưởng thôn ở hầu hết các thôn bản của người Tày ở Nhạn Môn đã trở thành một chức quan, một thành phần trong bộ máy cai trị của giai cấp phong kiến.

Đối với người Dao ở Nhạn Môn (đa phần là Dao Đỏ), cơ cấu xã hội trước kia cũng có những điểm khác biệt so với người Tày. Theo ngôn ngữ của người Dao Đỏ, bản được gọi bằng từ *"lổng"*, cứ 3 nhà trở lên (không phân biệt cùng họ hay khác họ) cư trú trên một khu vực nhất định được gọi là một bản, họ cho rằng có như vậy *"lúc tối lửa tắt đèn"*, khi gặp trộm cướp, tai nạn rủi ro mới có thể giúp đỡ được nhau, điều này cho thấy tính cộng đồng ở người Dao khá cao. Trong xã hội truyền thống cũng như hiện nay ở

Nhạn Môn, trưởng thôn (xưa gọi là động trưởng) vừa là người đại diện cho dân bản giao thiệp với cấp trên, vừa đại diện cho việc thực hiện các phong tục tập quán của bản làng. Người được bầu phải là người gương mẫu, hiểu biết và có kinh nghiệm tổ chức sản xuất, chăm lo cho đời sống cộng đồng dân cư, có khả năng vận động nhân dân thực hiện một số công việc mà chính quyền giao. Bên cạnh đó, trong cơ cấu xã hội người Dao ở Nhạn Môn, già làng, trưởng họ, thầy cúng, thầy thuốc... là những nhân vật rất có uy tín trong sinh hoạt cộng đồng, được người dân tin cậy, nghe theo.

Người Mông ở Nhạn Môn không sinh sống tập trung liền một dải mà thành các bản nhỏ có quan hệ họ hàng. Dòng họ có vai trò quan trọng trong đời sống và tổ chức xã hội của người Mông. Trưởng họ có vai trò và uy tín lớn, là người lo liệu việc chung của cả họ, vì thế đôi khi trưởng họ còn đảm nhận luôn các công việc với chính quyền. Trong những dòng họ chính của người Mông tại Nhạn Môn phải kể đến họ Hoàng, Sùng, Dương, Thào... là những dòng họ lớn.

Sau khi xâm lược nước ta, thực dân Pháp đã tiến hành một số cải cách hành chính, sắp đặt lại bộ máy cai trị từ Trung ương đến địa phương. Một hệ thống hành chính mới được hình thành và bao trùm lên cơ cấu tổ chức xã hội cũ, nhưng cách thức tổ chức và các thiết chế của nó vẫn được bảo toàn, nên hầu như các hoạt động truyền

thống và đặc biệt là các nghi lễ, cơ cấu xã hội của cư dân Nhạn Môn vẫn được duy trì. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, các thiết chế xã hội của đồng bào các dân tộc ở đây mới thực sự có những thay đổi quan trọng, cơ cấu xã hội cổ truyền của đồng bào các dân tộc phần nào đã mất đi thay vào đó là cơ cấu xã hội mới. Tuy nhiên, những giá trị về thiết chế xã hội, dòng tộc, họ hàng, quan hệ làng xóm vẫn được duy trì, tạo nên bản sắc văn hóa riêng ở Nhạn Môn.

Tùy thuộc vào địa vực sinh sống và đặc điểm văn hóa của mỗi dân tộc mà có thể dựng nhà sàn, nhà nền đất hay nửa sàn nửa đất. Người Tày thường ở nhà sàn, 2 hoặc 4 mái, có ván bưng, sàn gỗ. Tùy từng nhà mà có từ 4 đến 7 hàng cột đỡ, trên nhà là nơi thờ cúng, sinh hoạt của gia đình, dưới sàn là nơi để nông cụ. Người Mông thường ở nhà đất, ngôi nhà của họ thường khá biệt lập, làm bằng gỗ gồm 3 gian, 2 chái, gian giữa đặt bàn thờ, 2 bên là bếp và buồng ngủ. Nhà của người Dao thường là nhà đất, có ba hoặc năm gian đứng (không có chái). Bộ sườn được cấu tạo đơn giản. Thông thường, mỗi vì kèo chỉ có hai hoặc ba cột, một quá giang và một bộ kèo đơn. Ngày nay, do sự tác động của hội nhập và giao lưu văn hóa, đời sống kinh tế phát triển hơn, một số gia đình ở Nhạn Môn đã xây dựng nhà kiên cố. Tuy nhiên, những nếp nhà sàn, nhà gỗ vẫn được nhân dân các dân tộc ở địa phương bảo tồn và lưu giữ.

Trang phục truyền thống của người Tày bằng vải bông tự dệt, nhuộm chàm và hầu như không có hoa văn trang trí. Phụ nữ mặc áo cánh cổ cao, năm thân, cài khuy ở cổ và sườn phải, quần dài, thắt lưng và khăn quấn đầu, vòng vổ, vòng tay bằng bạc. Đối với người Dao Đỏ, phụ nữ để tóc ngắn, vấn xung quanh đầu, đội khăn bằng vải đỏ, quần áo màu chàm, thêu nhiều hoa văn bằng chỉ đỏ; đàn ông mặc áo cánh chàm. Phụ nữ người Mông có trang phục khá sặc sỡ, gồm váy, áo cánh ngắn, áo xẻ có yếm lửng, thắt lưng và khăn quấn đầu, trang phục được thêu rất nhiều hoa văn và họa tiết sặc sỡ.

Lễ hội truyền thống luôn mang những đặc trưng của tự nhiên và xã hội, là một hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của các dân tộc. Nó có một vai trò, vị trí khá quan trọng trong đời sống văn hóa xã hội cộng đồng, đặc biệt là cộng đồng làng xã. Ở Nhạn Môn có rất nhiều lễ hội lớn nhỏ được diễn ra nhưng hầu hết đều tập trung vào mùa xuân: lễ hội Lồng tồng của người Tày, lễ hội Xuân của người Mông, phong tục ngày Tết và tục thờ cúng của người Dao.

Hằng năm, cứ vào dịp sau tết Nguyên đán, ở khắp các bản làng của người Tày lại nô nức tổ chức ngày hội rộn ràng của lễ hội Lồng tồng (nghĩa là xuống đồng). Đây là lễ hội mang tính chất nghi lễ nông nghiệp cổ xưa, mở đầu cho một mùa sản xuất mới, cầu cho mùa màng bội thu, con người khỏe mạnh, bản làng yên vui, mọi người, mọi nhà

ấm no, hạnh phúc... Không gian tổ chức lễ hội Lồng tồng thường được diễn ra tại khu đất ruộng bằng phẳng giữa cánh đồng hay gò đất nơi thuận tiện cho hành lễ và vui hội. Người Tày chuẩn bị rất chu đáo lễ vật cúng tế như: Bánh khảo (sla cao), bánh bỏng (pẻng khô), bánh chè lam (pẻng khinh), bánh chưng Tày (pẻng tổm, khẩu tổm), gà, lợn. Trong lễ hội, nhiều hoạt động vui chơi được tổ chức, thể hiện nét đặc sắc văn hóa như lỏng nào (múa cầu mùa), tung còn, đánh yến, bắn nỏ... Lễ hội Lồng tồng của người Tày ở Nhạn Môn là một nghi thức đặc trưng của văn hóa vùng, mang tính chất tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng cầu mưa, tín ngưỡng thờ mặt trời, chứa đựng nhiều giá trị văn hóa, giá trị lịch sử đặc sắc. Trong lễ hội, các loại hình nghệ thuật truyền thống của đồng bào Tày ở Nhạn Môn cũng được lưu giữ. Lượn là hình thức sinh hoạt diễn xướng giao duyên, đặc trưng của lượn là đối đáp, đối ca và nối tiếp ca. Đàn tính là loại nhạc cụ có mặt trong tất cả những sinh hoạt văn hóa tinh thần của đồng bào Tày.

Hội Xuân truyền thống của đồng bào dân tộc Mông (thôn Khuổi Ỏ, xã Nhạn Môn) được biết đến là ngày hội lớn, tổ chức muộn nhất trên cả huyện Pác Nặm. Theo quan niệm của người Mông thì ngày 15 tháng Giêng hằng năm có một ý nghĩa hết sức quan trọng đối với đồng bào dân tộc Mông. Đây không chỉ đơn thuần là dịp gặp gỡ giao lưu mà còn là ngày đưa tiễn năm cũ để bắt đầu bước vào một năm lao động sản xuất mới. Những gì đã vay, đã

mượn, đã xảy ra... sẽ được người Mông ngồi lại với nhau trong ngày này để giải quyết, mong cho một năm mới nhiều may mắn, hạnh phúc. Hội Xuân diễn ra với những trò chơi dân gian như trò chơi đánh cù, ném pao, chọi gà, chọi bò, thổi khèn, giao lưu văn nghệ, thể thao...

Người Dao có hai hình thức thờ cúng chính là cúng tổ tiên (Bàn Hồ) và cúng Bàn Vương. Trong cúng tổ tiên, người Dao cúng đến 9 đời, bàn thờ tổ tiên đặt ở nơi tôn nghiêm nhất và họ cho rằng tổ tiên không ở thường trực trên bàn thờ mà chỉ ghé thăm họ vào ngày mùng một hoặc ngày rằm; thờ Bàn Vương không cần lập bàn thờ riêng mà khấn chung với tổ tiên, tông tộc trong các dịp lễ, Tết. Người Dao Đỏ tin rằng, Bàn Vương có liên quan đến số phận từng gia đình, từng tông tộc, nên có cúng bái tốt thì mọi người mới khỏe mạnh, gia tộc mới hưng thịnh.

Là nơi có nhiều dân tộc sinh sống, mỗi dân tộc lại có một bản sắc văn hóa riêng, vì vậy, trong xu hướng phát triển kinh tế hội nhập ngày nay, để gìn giữ bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc cũng như lưu giữ lại được những trang phục cổ truyền, sinh hoạt văn hóa trong đám cưới, ma chay, lễ hội là điều không phải dễ dàng. Việc bảo tồn và phát huy những nét sinh hoạt văn hóa độc đáo của các dân tộc ở Nhạn Môn đòi hỏi phải nhận thức sâu sắc được vốn quý giá của mỗi dân tộc, có ý thức gìn giữ, lưu truyền qua nhiều thế hệ và sự chung tay vào cuộc của cả cộng đồng.

Có thể thấy, Nhạn Môn là vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa có sự đa dạng trong thống nhất của các dân tộc. Nhân dân có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, luôn cần cù, chịu khó vượt qua khó khăn, chinh phục tự nhiên. Với truyền thống yêu nước và ý chí quật cường, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân xã Nhạn Môn đã vượt qua nhiều thử thách và quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được những thành tích mới.

Chương II
QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN, CHI BỘ ĐẢNG RA ĐỜI LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1930 - 1954)

I. Cuộc vận động cách mạng tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8/1945

1. Tình hình chính trị, kinh tế - xã hội dưới ách thống trị của thực dân, phong kiến

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Địa bàn khu vực phía Bắc tỉnh Thái Nguyên (nay thuộc Bắc Kạn) là khu vực có vị trí chiến lược. Ngày 13/02/1888, đạo quân Pháp từ Bảo Lạc (Cao Bằng) tiến xuống đánh chiếm phía Bắc Chợ Rã (xã Bằng Thành, Nhạn Môn, Giáo Hiệu) và lập căn cứ ở đây, mở đầu cho việc xâm lược vùng đất Bắc Kạn.

Trong thời gian mở rộng vùng chiếm đóng, giặc Pháp xâm lược đã vấp phải sức kháng cự quyết liệt của nhân dân các dân tộc, trong đó có nhân dân Nhạn Môn. Từ năm 1891 đến năm 1895, từ các vị trí chiếm đóng ở Chợ Rã, Ngân Sơn, Chợ Mới, quân Pháp tấn công mở rộng vùng chiếm đóng sang Na Rì (năm 1891), Bạch Thông

(năm 1892) và đến năm 1895 thì cơ bản hoàn thành việc chiếm đóng toàn bộ tỉnh Bắc Kạn. Như vậy, đến đây, đồng bào các dân tộc Nhạn Môn cũng như nhân dân trong tỉnh rơi vào vòng lệ thuộc.

Sau khi hoàn thành việc bình định, để thống trị lâu dài, ngày 11/4/1900, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định tách một phần ở phía Bắc Thái Nguyên thành lập tỉnh Bắc Kạn gồm 4 châu: Bạch Thông, Chợ Rã, Thông Hóa, Cảm Hóa. Khi đó, Nhạn Môn là một xã thuộc tổng Giáo Hiệu, châu Chợ Rã. Tại châu Chợ Rã, bộ máy cai trị của thực dân Pháp nhanh chóng hình thành, nhằm áp đặt ách áp bức, bóc lột của chúng với nhân dân. Thực dân Pháp giữ nguyên bộ máy cai quản có từ thời phong kiến và biến hệ thống này thành tay sai đắc lực của chúng. Bên cạnh đó, tại các tổng, xã, chúng tìm cách lôi kéo một số phần tử người địa phương tham gia vào bộ máy chính quyền, để phục vụ cho chính sách thống trị của chúng, nhất là trong việc bắt phu, thu thuế, trấn áp phong trào đấu tranh của nhân dân.

Đứng đầu châu Chợ Rã là một viên tri châu, ở các tổng có các chánh tổng và phó chánh tổng. Ở các xã, chúng đặt theo lệ cũ, có các viên lý trưởng và phó lý để quản lý dân chúng, giúp việc có chưởng bạ, trương tuần... Những năm đầu sau khi đạt được ách cai trị, chính quyền thực dân đặt thêm Hội đồng kỳ mục, có 3 đến 5 người, gồm lý trưởng và các thủ bạ đảm nhiệm công việc tại cấp xã. Tại xã Nhạn

Môn, bộ máy chức dịch trước năm 1945 gồm: ông Hoàng Văn Thịnh làm Lý trưởng, ông Ma Văn Mạng làm Phó lý.

Địa bàn các xã phía Bắc Chợ Rã có vị trí quan trọng, nên ngay khi bình định xong, Pháp đã xây dựng đồn binh Pác Nặm thuộc xã Bằng Thành (ở phía Đông Bắc xã Nhạn Môn). Theo *"Niên giám hành chính Đông Dương năm 1938 - 1939"*, Pác Nặm có đồn khố xanh đặt dưới sự chỉ huy của một viên bang tá[1] nhằm kìm kẹp nhân dân các dân tộc ở phía Bắc Chợ Rã.

Vào những năm 20 của thế kỷ XX, với chính sách *"Cải lương hương chính"*, Hội đồng kỳ mục bị giải thể và thành lập Hội đồng tộc biểu, thực chất là một thủ đoạn chính trị của thực dân Pháp. Hội đồng tộc biểu có quyền bàn bạc tập thể và quyết nghị tất cả công việc của làng xã, quyết nghị đó được giao cho người đứng đầu hội đồng hoặc những chức dịch thừa hành tổ chức thực hiện. Thông qua đội ngũ tay sai, chính quyền thực dân thi hành chính sách áp bức, bóc lột hà khắc, ngăn cấm tự do hội họp, nghiêm cấm thành lập đảng phái, ra sức truyền bá chính sách *"khai hóa văn minh"*... Do ở gần trung tâm đồn quân Pháp đóng, việc quản lý ở Nhạn Môn tương đối khắt khe.

Nhằm thực hiện âm mưu chia rẽ đoàn kết giữa các dân tộc, thực dân Pháp còn đặt bộ máy cai trị riêng theo

1. Đinh Ngọc Hồ là bang tá Pác Nặm, còn Tri châu Chợ Rã khi đó là Nguyễn Đình Văn. *Lịch sử Đảng bộ huyện Pác Nặm, 1943 - 2012*, tr.21.

thành phần dân tộc. Nhạn Môn là xã có nhiều dân tộc, tùy vào từng dân tộc mà chúng có chính sách cai trị khác nhau. Đối với dân tộc Dao, chúng đặt chế độ quản chiểu, động trưởng. Quản chiểu là chức quan cai trị người Dao trong toàn châu, ở các xã có động trưởng. Nham hiểm hơn, chúng còn định ra một số quy định cụ thể có tính chất phân biệt đối xử, nhằm gây ra thù hằn giữa các dân tộc tại địa phương. Lý trưởng người Tày bắt người Dao phải đến phục dịch trong các ngày giỗ, Tết, ma chay, cưới xin. Người Dao muốn làm nương thì phải nộp tiền cho bọn lý trưởng, nếu không, bọn chúng dọa sẽ báo lên trên. Ngay trong đội ngũ quan lại cũng có sự phân biệt rõ rệt. Chẳng hạn, quản chiểu cai quản người Dao trong toàn châu Chợ Rã khi đó không có lương. Còn đối với người Mông, chúng đặt ra chế độ thống tra.

Dưới ách thống trị của thực dân Pháp và tay sai, nhân dân các dân tộc Nhạn Môn phải chịu sưu cao, thuế nặng - công cụ hữu hiệu nhất chúng và tầng lớp tay sai trục lợi. Thuế đinh là thuế đánh vào tất cả những người đàn ông từ 18 đến 60 tuổi, mỗi đầu đinh phải nộp 3 đồng bạc Đông Dương (tương đương giá 1 tạ gạo lúc bấy giờ). Ngoài thuế đinh, còn thuế ruộng, nương, môn bài... Trong thời gian diễn ra chiến tranh thế giới thứ hai, thực dân Pháp tăng thuế môn bài lên 4 lần, thuế thân tăng lên 3 lần, thuế điền tăng lên 50%. Đời sống bà con đồng bào dân tộc vốn đã khó khăn, ruộng đất ít ỏi, canh tác gặp nhiều bất lợi

nhưng vẫn phải nộp đầy đủ tất cả các loại thuế. Mỗi lần đến kỳ nộp thuế là mỗi lần người dân Nhạn Môn khốn đốn. Gặp những năm hạn hán, mất mùa thì tai họa ập xuống đầu người dân nghèo khổ, không có tiền nộp thuế, nhiều người bị tù đày, đánh đập tàn nhẫn, nhiều người phải bán cả ruộng nương.

Ngoài thuế, nhân dân còn phải chịu cảnh phu phen, tạp dịch triền miên, thời gian kéo dài. Dân phu phải làm công việc rất nặng nhọc, bị đánh đập dã man và phải tự túc lương thực.

Dưới chế độ cai trị hà khắc, đồng bào các dân tộc Nhạn Môn bị bóc lột thậm tệ, rơi vào cảnh đói rét, lầm than. Diện tích cày cấy ít, năng suất lúa ở Nhạn Môn trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 thấp (2 tạ/bung)[1], chỉ làm được một vụ mùa. Thóc gạo vốn đã ít, lại phải nộp cho bộ máy cai trị nên đại đa số người dân thiếu ăn, phải vào rừng đào củ, hái măng kiếm sống. Kinh tế Nhạn Môn trong những năm trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 về cơ bản là nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu, phụ thuộc nhiều vào chính sách của bộ máy cai trị thực dân và phong kiến tay sai.

Thực dân Pháp thi hành chính sách kìm hãm nhân dân ta trong vòng tối tăm, lạc hậu. Nhạn Môn không có trường học để dạy chữ cho con em, thậm chí toàn châu

1. Đơn vị đo đạc ruộng đất, 1 bung = 1.000m².

Chợ Rã chỉ có một trường tiểu học dạy đến trình độ sơ học yếu lược (từ lớp 1 đến lớp 3) nhưng cũng chỉ dành cho con em gia đình khá giả. Đến những năm 1941 - 1942, tại địa bàn Nhạn Môn mới có lớp dạy chữ Quốc ngữ, là nhà 3 gian đơn sơ, được dựng ở Pác Cốp (thôn Phai Khỉm). Thầy dạy là ông Lý Văn Bộ (người xã Thanh Vận, huyện Bạch Thông). Lớp này cũng dạy đến hết lớp 2, chủ yếu dạy cho con em những gia đình có điều kiện. Thực dân Pháp rêu rao *"Khai hóa văn minh"* nhưng chúng lại thi hành chính sách ngu dân, vì thế, đại bộ phận nhân dân Nhạn Môn không biết chữ, trình độ dân trí rất thấp.

Dưới ách cai trị của thực dân, việc chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho nhân dân cũng không được chú trọng. Toàn xã không có thầy thuốc, nhân dân ốm đau không có thuốc thang cứu chữa, chỉ biết tìm đến thầy Tào, thầy Pụt, chữa bệnh bằng lá rừng và cầu cúng. Hơn nữa, vốn sinh sống ở vùng *"rừng thiêng, nước độc"*, dịch bệnh dễ phát sinh, lại ăn ở thiếu vệ sinh, hằng năm dịch bệnh đã cướp đi sinh mạng của nhiều người, nhất là trẻ em và người già.

Dưới ách thống trị của thực dân, phong kiến, nhân dân Nhạn Môn chịu cảnh khổ cực, lầm than, sống trong đời tăm tối, nô lệ. Lòng căm thù đối với quân giặc cướp nước, bè lũ tay sai bán nước được nung nấu. Nhân dân Nhạn Môn sẵn sàng cùng nhân dân cả nước đứng lên đánh đuổi quân xâm lược, đánh đổ bọn tay sai, giành lại độc lập cho quê hương.

2. Xây dựng lực lượng, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền

Từ những năm 20 của thế kỷ XX, ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin được đồng chí Nguyễn Ái Quốc truyền bá vào Việt Nam, những tư tưởng tiến bộ dần mở lối dẫn dắt con thuyền cách mạng nước ta. Ngày 03/02/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cứu nước, mở ra một bước ngoặt vĩ đại cho phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta. Sự ra đời của Đảng đã thức tỉnh nhân dân ta, soi đường cho dân tộc đứng lên tự giải phóng và giành lại độc lập, tự do. Những năm 1936 - 1939, có một số cán bộ của tỉnh Cao Bằng (như đồng chí Hoàng Đức Thạc) đến hoạt động tại các xã phía Bắc của huyện Chợ Rã (trong đó có Nhạn Môn). Tuy nhiên, do còn nhiều hạn chế nên cơ sở cách mạng chưa được gây dựng. Phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân Chợ Rã nói chung và Nhạn Môn nói riêng lúc này chủ yếu diễn ra dưới hình thức biểu tình chống tăng thuế, chống bắt đi phu ngày mùa, đòi tăng tiền công, vạch mặt bọn kỳ hào nhũng nhiễu dân lành.

Ngày 28/01/1941, sau nhiều năm bôn ba và hoạt động ở nước ngoài, đồng chí Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Sau một thời gian chuẩn bị, Người đã triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tại Pác Bó, từ ngày 10 - 19/5/1941. Hội nghị nhấn mạnh: *"Trong*

lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của một bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được"[1]. Từ tinh thần đó, để tập hợp mọi lực lượng đấu tranh chống thực dân Pháp và phát xít Nhật, giành lấy độc lập, tự do cho dân tộc, Hội nghị đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh. Mặt trận tập hợp đông đảo các đoàn thể cứu quốc như Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Phụ lão cứu quốc... Kể từ đây, phong trào yêu nước của nhân dân ta mang tên là phong trào Việt Minh, một phong trào có ý nghĩa to lớn, tiêu biểu cho lòng yêu nước và chuẩn bị lực lượng cho khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

Sau Hội nghị, phong trào cách mạng ngày càng phát triển mạnh và lan rộng. Nhạn Môn và các xã ở phía Bắc Chợ Rã có địa thế hiểm trở, nhiều đường mòn nối liền giữa các vùng từ Bắc xuống Nam. Nhận thấy điều đó, phong trào Việt Minh được xây dựng ở Bảo Lạc (Cao Bằng) đã gây ảnh hưởng tới địa bàn. Từ đó, các xã phía Bắc Chợ Rã, trong đó có Nhạn Môn trở thành mục tiêu *"Nam tiến"*, xây dựng con đường quần chúng theo chủ trương của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, để nối phong trào cách mạng Cao Bằng với Thái Nguyên và toàn quốc thì mới có điều kiện thuận

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng (1930 - 1945)*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1963, tr.191.

lợi cho việc tổng khởi nghĩa vũ trang. Đi đến đâu các đội xung phong "Nam tiến" đều ra sức vận động quần chúng gia nhập đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh, đào tạo cán bộ để phát triển tổ chức Đảng, xây dựng lực lượng tự vệ... Trong quá trình đó, các cơ sở của Việt Minh đã được xây dựng tại Cao Tân, Cổ Linh, Cao Thượng. Từ những cơ sở này, cuối năm 1942, Ban Chấp hành Việt Minh liên xã Cao Minh được thành lập và là cơ sở Việt Minh đầu tiên của huyện Chợ Rã. Từ đây, phong trào đã lan rộng ra các xã phía Bắc Chợ Rã, trong đó có Nhạn Môn.

Việc tuyên truyền của Việt Minh lúc này chủ yếu dựa trên những tài liệu do đồng chí Nguyễn Ái Quốc biên soạn và dịch. Đó là trường ca *"Lịch sử nước ta"*, các chính sách, chương trình hoạt động của Việt Minh cũng được biên soạn thành thơ, văn vần để nhân dân dễ đọc, dễ hiểu. Thực hiện chủ trương của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Tổng bộ Việt Minh đem *"Chương trình Việt Minh"* soạn thành văn vần gọi là *"Việt Minh ngũ tự kinh"*, *"Điều lệ Việt Minh"* được biên soạn thành *"Điều lệ Việt Minh giản yếu"*. Đồng chí Võ Nguyên Giáp dịch *"Việt Minh ngũ tự kinh"* sang tiếng Dao gọi là *"Việt Minh Pja giảng sâu"* và tiếng dân tộc khác. Tài liệu bằng tiếng Mông có *"Lòng đỉa sỉ"* (*Địa lý nước ta*). Nhiều tài liệu, sách, báo nói trên qua cán bộ đã đến được với nhân dân, nhất là *"Việt Minh ngũ tự kinh"* được biên dịch thành tiếng các dân tộc (Tày, Mông, Dao) trở thành

sự giác ngộ nhân dân chưa cao nên gây ra tâm lý hoang mang, hoài nghi.

Nhân dân Nhạn Môn cũng như nhân dân cả nước cùng một lúc phải đối mặt với muôn vàn thử thách, thù trong, giặc ngoài, *"giặc đói"*, *"giặc dốt"* bủa vây, chính quyền non trẻ ở trong thế *"ngàn cân treo sợi tóc"*. Trước tình hình đó, ngay sau khi tuyên bố độc lập, ngày 03/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, xác định nhiệm vụ cấp bách trước mắt là diệt *"giặc đói"*, *"giặc dốt"*, chống giặc ngoại xâm, thực hiện Tổng tuyển cử theo chế độ phổ thông đầu phiếu. Ngày 25/11/1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị *"Kháng chiến, kiến quốc"*, khẳng định nhiệm vụ trước mắt là củng cố chính quyền, bài trừ nội phản và cải thiện đời sống nhân dân. Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: *"...phát động ngay một chiến dịch tăng gia sản xuất để cứu đói. Mở ngay một cuộc lạc quyên, 10 ngày 1 lần, mỗi người nhịn ăn một bữa, gạo tiết kiệm được góp lại phát cho người nghèo"*[1], với truyền thống lá lành đùm lá rách, nhân dân Nhạn Môn đều hăng hái tham gia *"Ngày đồng tâm"*, thi đua lập *"Hũ gạo cứu đói"*. Để giải quyết triệt để nạn đói, phong trào tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm được phát động. Nhân dân các dân tộc Nhạn Môn tích cực tăng gia sản xuất, thực hiện phương châm *"không để một tấc đất bỏ hoang"*, các diện tích vốn bị bỏ

1. *Hồ Chí Minh toàn tập (tập 4)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.16.

hoang nay đã được sản xuất, đồng bào còn mở rộng thêm các diện tích trồng cây ngắn ngày, đáp ứng nhu cầu trước mắt của nhân dân. Trong sản xuất, đồng bào giúp nhau về nhân công, trâu cày. Các tập tục tốt đẹp của một số dân tộc như *"vàn nà", "làm mải"* phổ biến[1]. Để giải quyết tình trạng ngân sách trống rỗng, đầu năm 1946, thực hiện chủ trương *"Tuần lễ vàng"* ủng hộ Chính phủ, đồng bào Nhạn Môn đã cùng đồng bào cả nước đóng góp tiền mặt, vàng, bạc trắng, đồ trang sức...

Trước tình hình đa phần dân ta không biết chữ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: *"Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu. Vì vậy tôi đề nghị phát động ngay một chiến dịch để chống nạn mù chữ"*[2]. Ngay sau đó, phong trào bình dân học vụ cũng được phát động lan rộng khắp các thôn, thu hút nhiều thành phần nhân dân tham gia. Ban Bình dân học vụ xã Nhạn Môn khi đó do Ban Việt Minh trực tiếp điều hành, giáo viên dạy là các ông Lý Văn Bộ, Hoàng Văn Thịnh, Nông Văn Mèo. Nhiều hình thức tuyên truyền, cổ động như khẩu hiệu, thơ ca, đối đáp... được sử dụng để động viên nhân dân đi học. Phong trào bình dân học vụ lan rộng trên một vùng quê có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống, địa thế hiểm trở, dân cư thưa thớt đã thực sự trở thành phong trào quần chúng rộng lớn. Với

1. Là một tập tục của đồng bào dân tộc, trong đó người dân giúp đỡ nhau trong lao động, sản xuất.

2. *Hồ Chí Minh toàn tập (tập 4)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.8.

phương châm: Người biết chữ dạy cho người không biết chữ, người biết nhều dạy người biết ít, học mọi lúc, mọi nơi... nên chỉ một thời gian ngắn, số người biết đọc, biết viết tăng nhanh.

Bên cạnh đó, vấn đề giải quyết các tệ nạn xã hội cũng được đề ra như bài trừ mê tín dị đoan, giảm lãng phí trong ma chay, cưới hỏi... Chính quyền xã cũng thành lập Ban vận động đời sống mới, gồm những người có uy tín trong quần chúng để hướng dẫn nhân dân thực hiện một số nếp sống mới như thách cưới, giảm lễ vật cưới xin, thực hiện nam nữ bình quyền. Chính quyền xã cũng vận động nhân dân thực hiện nếp sống vệ sinh, hạn chế việc bói toán, cầu cúng. Là một xã miền núi, tập tục của đồng bào còn nặng nề, dân trí thấp, đời sống khó khăn, vậy mà chỉ sau một thời gian ngắn địa phương đã đạt được những kết quả như trên là cả một sự cố gắng lớn, chuyển biến quan trọng trong đời sống tinh thần của nhân dân Nhạn Môn.

Ngày 08/9/1945, Chính phủ lâm thời công bố Sắc lệnh số 14/SL về việc tổ chức Tổng tuyển cử bầu Quốc hội trong cả nước. Nhận thức rõ đây là cuộc vận động chính trị lớn, có tác dụng động viên mạnh mẽ toàn dân hăng hái tham gia xây dựng Tổ quốc, cùng với việc tuyên truyền phổ biến mục đích của cuộc Tổng tuyển cử, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời xã Nhạn Môn đã xây dựng kế hoạch bảo vệ cuộc Tổng tuyển cử, đảm bảo an ninh trật tự. Đồng thời, lực lượng tự vệ, du kích tại Nhạn Môn cũng

như các xã khác trong huyện cũng tích cực chủ động theo dõi, ngăn chặn mọi âm mưu phá hoại cuộc Tổng tuyển cử. Nhờ đó, cuộc Tổng tuyển cử diễn ra an toàn, hầu hết nhân dân đã đi bầu cử đại biểu vào Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tại Bắc Kạn có 2 đồng chí được bầu vào Quốc hội khóa I là đồng chí Nông Văn Lạc và Hoàng Hùng Sơn.

Thực hiện chủ trương chung, dưới sự lãnh đạo của Huyện bộ Việt Minh và chính quyền huyện, đầu năm 1946, Nhạn Môn tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp (tỉnh và xã). Ban bầu cử hướng dẫn cử tri lựa chọn những người có uy tín, năng lực ra gánh vác việc của thôn. Rút kinh nghiệm từ công tác đấu tranh, bảo vệ an toàn cho cuộc Tổng tuyển cử, tự vệ và du kích Nhạn Môn phối hợp cùng lực lượng vũ trang của huyện tiếp tục làm tốt công tác bảo vệ cho cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp. Sau cuộc bầu cử, Ủy ban hành chính được thành lập thay thế cho Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời. Ủy ban hành chính xã do đồng chí Chu Đức Đàm làm Chủ tịch.

Các tổ chức đoàn thể của xã Nhạn Môn cũng được kiện toàn và dần đi vào hoạt động. Hội Nông dân cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc, Đoàn Thanh niên cứu quốc tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân tăng gia sản xuất, xây dựng quê hương và thực hiện tốt các nhiệm vụ cấp trên giao.

Trên mặt trận chống giặc ngoại xâm, thực dân Pháp vẫn lăm le hòng đặt lại ách áp bức, thống trị ở đất nước ta. Ngày 23/9/1945, Pháp nổ súng tấn công Sài Gòn, trắng trợn phá hoại nền độc lập mà nhân dân ta vừa giành được. Dù Đảng và Chính phủ ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có nhiều nhân nhượng, tỏ rõ thiện chí mong muốn giải quyết mối quan hệ Pháp - Việt thông qua thương lượng hòa bình bằng việc ký kết Hiệp định Sơ bộ (ngày 06/3/1946) và Tạm ước (ngày 14/9/1946), song thực dân Pháp lại ngang nhiên phá vỡ các thỏa ước chúng đã ký với ta, liên tiếp gây ra các hoạt động khiêu khích, xâm lược nhiều nơi trên đất nước ta. Ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *"Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến"*, khẳng định ý chí sắt đá của nhân dân ta: *"Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"*. Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, nhân dân Nhạn Môn cùng nhân dân cả nước tiếp tục bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Như vậy, sau hơn 1 năm giành lại được chính quyền, bước đầu xây dựng và củng cố chính quyền, nhân dân Nhạn Môn đã góp phần đáng kể vào công cuộc xây dựng và bảo vệ chính quyền nhân dân non trẻ vừa giành được, chuẩn bị lực lượng bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, cam go trong lịch sử dân tộc. Tuy gặp nhiều trở ngại, song vượt qua mọi gian khổ đó, chính quyền và nhân

dân Nhạn Môn đã đoàn kết vượt qua khó khăn, đạt được những thành tích đáng kể, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng chung của cả nước.

2. Chi bộ Đảng ra đời lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống quân phỉ (1947 - 1949)

Theo chủ trương của cấp trên, bước vào thời kỳ lịch sử mới với những nhiệm vụ mới của cách mạng, tại Pác Nặm (lúc đó là vùng phía Bắc Chợ Rã), các xã nhỏ được nhập làm xã lớn. Năm 1947, xã Yên Minh được thành lập trên cơ sở sáp nhập 2 xã Nhạn Môn và Công Bằng. Dù đã thành lập được chính quyền cách mạng, song vấn đề cấp bách nhất ở xã lúc này là công tác xây dựng Đảng. Dù là nơi có cơ sở và phong trào cách mạng sớm, song do đời sống kinh tế, văn hóa của nhân dân các dân tộc nhìn chung còn thấp, trình độ hiểu biết của cán bộ cơ sở còn nhiều hạn chế, trong khi đó lại bị phỉ khống chế nên công tác xây dựng Đảng ở xã gặp không ít khó khăn.

Đầu năm 1947, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ huyện Chợ Rã được thành lập đã tạo ra bước chuyển biến mới trong công tác xây dựng Đảng. Sau đó, trên các địa bàn đều có các cán bộ, đảng viên nắm bắt phong trào và chuẩn bị mọi mặt cho công tác tuyên truyền phát triển đảng viên. Theo chủ trương phát triển Đảng *lớp tháng Tám* của Tỉnh ủy trong năm 1947, Huyện ủy đã tăng cường chỉ đạo xây dựng Đảng ở 2 xã Giáo Hiệu và Yên Minh. Trước đó, những quần chúng ưu tú đã được lựa

chọn, giác ngộ lý tưởng cộng sản, mở rộng đội ngũ lãnh đạo phong trào cách mạng trong các xã. Đầu năm 1948, chi bộ Đảng khu vực Giáo Hiệu - Yên Minh ra đời, khi đó được gọi chung là Chi bộ Giáo Hiệu. Theo sự phân công của cấp trên, đồng chí Nguyễn Quang Đào làm Bí thư Chi bộ. Sự thành lập Chi bộ Giáo Hiệu, chi bộ đầu tiên của các xã phía Bắc Chợ Rã xưa là nhân tố quan trọng, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp kháng chiến chống Pháp và xây dựng chính quyền, phát triển mọi mặt đời sống kinh tế, văn hóa của nhân dân các dân tộc nơi đây, trong đó có đồng bào các dân tộc Yên Minh. Thời kỳ này ở Yên Minh và Chi bộ Giáo Hiệu có một số đồng chí đảng viên đầu tiên thuộc lớp cốt cán, gây dựng cơ sở và tổ chức bồi dưỡng, đào tạo và kết nạp quần chúng như các đồng chí: Lộc Văn Hưng, Trịnh Quốc Khải, Lộc Văn Điều, Hoàng Văn Quỷ[1]...

Trong 2 năm (1948 - 1949), công tác phát triển đảng viên đã thu được nhiều kết quả. Giữa năm 1949, theo sự chỉ đạo của cấp trên, lực lượng đảng viên của Chi bộ ghép Giáo Hiệu - Yên Minh chia tách ra thành hai chi bộ độc lập là Chi bộ Giáo Hiệu và Chi bộ Yên Minh. Chi bộ Yên Minh do đồng chí Nguyễn Quang Đào làm Bí thư Chi bộ. Ngay sau khi thành lập, ngoài việc lãnh đạo, chỉ đạo các mặt, một trong những công tác trọng tâm của Chi bộ là phát triển đảng viên. Trong giai đoạn này,

1. Dựa theo sổ đảng viên Chi bộ xã Việt Hoa.

Chi bộ Yên Minh đã kết nạp thêm được một số đồng chí: Cà Văn Nguyệt (ngày 13/8/1948), Cà Thanh Tịnh (ngày 30/12/1948), Hoàng Văn Chẩy (ngày 04/02/1949), Hoàng Văn Thịnh (ngày 03/9/1949)... Song song với công tác bồi dưỡng và kết nạp thêm đảng viên mới, việc kiện toàn tổ chức cũng được tiến hành. Đến tháng 11/1949, Chi bộ Yên Minh tiến hành tổ chức Đại hội. Đại hội đã bầu Chi ủy do đồng chí Nguyễn Quang Đào làm Bí thư. Chi bộ Yên Minh ngay sau khi thành lập đã được huấn luyện trong cuộc vận động *"Rèn luyện Đảng tính, trau dồi đạo đức cách mạng"* do Tỉnh ủy phát động, điều này có tác dụng nâng cao một bước chất lượng đảng viên, chi bộ và vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến, kiến quốc ở địa phương.

Nhờ học tập thường xuyên nên đảng viên đã nắm bắt chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, phát huy tính gương mẫu, đi đầu trong mọi phong trào ở địa phương. Những đồng chí có năng lực, phẩm chất, đạo đức tốt được cử đi bồi dưỡng lý luận chính trị do huyện, tỉnh tổ chức và được giao đảm nhiệm các công việc quan trọng. Vượt qua những khó khăn, Chi bộ đã có cố gắng lớn trong lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng non trẻ.

Thực hiện Chỉ thị *"Toàn quốc kháng chiến"* của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và *"Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến"* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chi bộ Đảng

cùng chính quyền và các đoàn thể ở Yên Minh làm tốt công tác vận động nhân dân thi đua, nghiêm túc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, xây dựng kế hoạch sẵn sàng chiến đấu. Với phương châm *"Toàn dân, toàn diện, dựa vào sức mình là chính"*, nhân dân Yên Minh đã chủ động nắm bắt và xác định rõ nhiệm vụ, tập trung toàn bộ lực lượng cho cuộc chiến cam go sắp tới.

Lực lượng tự vệ xã Yên Minh đã được xây dựng từ cuộc vận động Cách mạng tháng Tám, trong điều kiện lịch sử mới, nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của kháng chiến chống Pháp, từ đầu năm 1947, lực lượng tự vệ đã được tổ chức thành các đơn vị dân quân theo chủ trương của Đảng. Đội dân quân ở Yên Minh tổ chức chiến đấu theo thôn, mỗi thôn có tiểu đội, trang bị súng kíp, dao găm. Xã đội thời kỳ này do đồng chí Quách Văn Hàm làm Xã đội trưởng, đồng chí Ma Văn Hảo làm Xã đội phó.

Địa bàn Yên Minh là xã vùng sâu vùng xa của huyện, do tính chất địa hình và giao thông khó khăn nên rất ít khả năng bị quân Pháp tấn công. Mặc dù vậy, đồng bào các dân tộc vẫn làm lán trại trong rừng, đề phòng bất trắc, nếu quân Pháp kéo lên sẽ thực hiện *"Vườn không nhà trống"*. Thu đông năm 1947, Pháp mở cuộc tấn công quy mô lớn với kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh vào căn cứ địa Việt Bắc nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta. Ngày 15/10/1947, Ban Thường vụ

Trung ương Đảng ra Chỉ thị *"Phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp"*. Ngay sau khi có chỉ đạo của Trung ương và Hồ Chủ tịch, quân và dân Yên Minh nói riêng, Bắc Kạn nói chung đã huy động tất cả lực lượng chống lại cuộc tiến công của chúng. Cuộc tấn công lên Việt Bắc thất bại, tháng 12/1948, chúng phải rút đại bộ phận lực lượng khỏi Việt Bắc. Tuy nhiên, chúng vẫn cho quân đóng chiếm tại nhiều điểm quan trọng trên đường số 3 như thị xã Bắc Kạn, Phủ Thông, Nà Phặc, Bằng Khẩu nhằm phục vụ âm mưu chính trị và quân sự của chúng đối với căn cứ địa của ta và tạo điều kiện cho lực lượng thổ phỉ hoạt động tại vùng núi cao ở miền thượng huyện, trong đó điển hình là địa bàn Yên Minh.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, các lực lượng phản động, thổ phỉ đã đẩy mạnh hoạt động buôn lậu, cướp của, giết người. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công mang lại cuộc sống yên bình cho nhân dân. Tuy vậy, lực lượng thổ phỉ vẫn ẩn náu trong rừng hay sống trà trộn vào nhân dân, nhân lúc tình hình đất nước còn muôn vàn khó khăn, chúng đã tìm cách móc nối với đặc vụ của Tưởng để chống phá cách mạng. Đến khi thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên Chợ Rã, bọn phỉ liền nhảy ra câu kết với quân Pháp, dựa vào chúng để hoạt động. Cũng nhân việc đó, quân Pháp sử dụng bọn phỉ làm bình phong, cung cấp vũ khí cho phỉ để phá hoại hậu phương kháng chiến của ta. Ban đầu lực lượng của

chúng còn yếu nhưng được Pháp hậu thuẫn và cung cấp trang bị, lực lượng của phỉ nhanh chóng tăng lên, với số lượng quân lúc đông nhất có khi lên đến cả mấy trăm tên. Tại Yên Minh, chúng dùng thủ đoạn phản động, luận điệu xuyên tạc, chia rẽ dân tộc, kích động bạo loạn, lật đổ chính quyền còn non trẻ. Hơn thế nữa, phỉ còn trà trộn, mua chuộc, lôi kéo thậm chí cưỡng chế một bộ phận không nhỏ người Dao, Mông... tham gia tiếp tế lương thực, thực phẩm, cung cấp tin tức cho chúng.

Từ trung tâm phỉ bắt đầu mở rộng vùng hoạt động cướp phá ra các vùng xung quanh. Cầm đầu bọn phỉ là tên Sí Lìn, vốn là một tên cầm đầu thổ phỉ và buôn lậu từ trước cách mạng, hoạt động khắp vùng Pác Nặm, trong đó Yên Minh là xã trọng tâm. Sau đó, chính y đã lập ra và cầm đầu tổ chức Nam Dương Hoa kiều Hiệp hội ở vùng Pác Nặm. Sí Lìn dựa vào Pháp lôi kéo được những phần tử phản động ở các xã vùng thượng huyện làm tay sai cho hắn, mua chuộc và khống chế một số hộ dân, nên thế lực của phỉ Sí Lìn nhanh chóng mạnh lên. Lực lượng tay sai của Sí Lìn phủ khắp các địa bàn Giáo Hiệu, Yên Minh, Bành Trạch, Nghiên Loan, Cao Thượng... Tại Yên Minh, lực lượng phỉ do thuộc hạ của Sí Lìn là tên Triệu Giai Sìn (ở thôn Nặm Khiếu) cầm đầu. Từ cuối năm 1947 đến đầu năm 1948, quân phỉ gây ra nhiều tội ác, cướp đi nhiều trâu, bò, thóc gạo, của cải và giết hại nhiều người dân vô tội.

Cuối tháng 11/1947, Tỉnh ủy Bắc Kạn ra nghị quyết *"Coi tiễu phỉ là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu"* và quyết định thành lập *"Đội vũ trang tuyên truyền"* gồm 40 cán bộ, chiến sỹ được chọn từ nhiều cơ quan, đơn vị làm nhiệm vụ cùng nhân dân tiễu phỉ. Nhân dân Nhạn Môn và các xã lân cận được giao nhiệm vụ phối hợp cùng lực lượng công an xung phong điều tra về hoạt động và nơi cư trú của thổ phỉ, lập danh sách những tên chỉ huy đầu sỏ, có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu cho cấp trên và các ngành tham gia giải quyết, tổ chức bảo vệ, đưa nhân dân tản cư khi có phỉ đến cướp phá, phối hợp với các lực lượng khác tiến hành tiễu phỉ. Ngày 03/01/1948, lực lượng vận động tiễu phỉ đã có mặt tại địa bàn. Ngày 04/01/1948, quân phỉ với khoảng 300 tên mở cuộc tiến công đánh chiếm huyện lỵ và Đài phát thanh đóng ở Cao Thượng. Đội vũ trang đã nhanh chóng phối hợp với nhân dân các xã chiến đấu quyết liệt, kết quả ta tiêu diệt gần 20 tên phỉ, 10 tên bị thương, số còn lại phải tháo chạy. Cuối tháng 01/1948, liên đội tiễu phỉ đã phối hợp với lực lượng vũ trang Cao Bằng tổ chức nhiều đợt tấn công vào các sào huyệt phỉ dọc theo địa giới giữa 2 huyện Chợ Rã và Nguyên Bình, tiêu diệt và bắt hàng trăm tên.

Để cô lập và diệt trừ hoàn toàn lực lượng của phỉ, lực lượng vũ trang các xã, trong đó có Yên Minh phối hợp với bộ đội chủ lực mở cuộc tấn công quân Pháp (có khoảng 40 tên) đóng ở cầu Tát Pục và tấn công quân phỉ (có khoảng

100 tên) ở Bản Trà (ngày 29/01/1948). Quân ta thắng lớn cả hai trận, quân Pháp bị tiêu diệt một số tên, quân phỉ bị tiêu diệt gần hết, số quân Pháp còn lại phải bỏ đồn tháo chạy. Ngày 31/01/1948, Chợ Rã hoàn toàn giải phóng khỏi ách thống trị của thực dân Pháp. Quân ta có điều kiện và cơ hội thuận lợi để tiêu diệt hoàn toàn và xóa bỏ cơ sở của phỉ ở phía Bắc huyện Chợ Rã.

Tháng 02/1948, Tỉnh ủy Bắc Kạn ra Nghị quyết đấu tranh chống phỉ toàn diện trên các mặt chính trị, quân sự, kinh tế... Thực hiện Nghị quyết này, các mũi tấn công được tổ chức trên tất cả các mặt nhằm làm cho phỉ mất khả năng hoạt động và tiến tới cô lập, tiêu diệt chúng. Tuy nhiên, lực lượng phỉ lại cố gắng củng cố bằng tiền và vũ khí của Pháp cung cấp, chúng tiến hành cướp bóc, phá hoại kinh tế gây mất ổn định tình hình. Tại Yên Minh, ngày 03/11/1948, một toán phỉ tràn vào Nà Chang (xã Bằng Thành) cướp đi nhiều của cải, bắn chết 1 người, làm 2 người bị thương, bắt đi 1 người và nhiều tài sản; đêm 20/12/1948, thổ phỉ bắt đi một liên lạc của tổ chức cơ sở Đảng ở Yên Minh[1].

Ngày 15/01/1949, lực lượng vũ trang của ta mở cuộc tấn công vào sào huyệt của phỉ, bắt sống tên Trương Văn Khoóng. Ngày 31/3/1949, lực lượng dân quân du

1. *Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã ngày 10/01/1949 gửi Tỉnh ủy về tình hình hoạt động của thổ phỉ.*

kích phối hợp với bộ đội phá tan các căn cứ của chúng tại Pác Nặm.

Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy về công tác tiễu phỉ (tháng 5/1949), đồng bào các dân tộc ở những vùng có phỉ hoạt động, khống chế ở Yên Minh, Giáo Hiệu được tập trung thành những bản làng chiến đấu, vừa tạo điều kiện cho đồng bào yên tâm sản xuất, vừa ổn định cuộc sống, đoàn kết dân tộc. Bên cạnh đó, các đoàn công tác tiễu phỉ của cấp trên đã thực hiện *"ba cùng"* với đồng bào, tổ chức cho đồng bào học tập đường lối, chính sách của ta, mở các lớp dạy học văn hóa, biểu diễn văn nghệ, triển lãm tranh ảnh... để giác ngộ, vận động đồng bào. Từ đó, phỉ mất dần các cơ sở, bị cô lập và tạo ra cơ sở tiêu diệt hoàn toàn chúng. Cho đến cuối năm 1949, về cơ bản cuộc vận động tiễu phỉ đã giành được những thắng lợi quan trọng.

3. Xây dựng hậu phương vững mạnh, tích cực đóng góp sức người, sức của cho sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc (1949 - 1954)

Trong những năm tháng kháng chiến chống Pháp và tiễu phỉ, công tác xây dựng hậu phương kháng chiến cũng được đẩy mạnh. Chi bộ Đảng xã Yên Minh đã tăng cường chỉ đạo phát triển kinh tế, sản xuất, phục vụ tiền tuyến, nhất là đóng góp lương thực, đi dân công sửa chữa cầu đường. Dù gặp không ít khó khăn, trâu, bò bị phỉ cướp mất nhiều, sức kéo thiếu, ruộng đất lại bị hoang hóa một thời gian, thời tiết không thuận lợi nhưng nhân dân

xuống từng hộ dân vận động, tuyên truyền để nhân dân hiểu rõ, đúng về chính sách thuế nông nghiệp của Đảng và Chính phủ.

Xuất phát từ yêu cầu cải thiện đời sống nhân dân và đáp ứng nhu cầu vật chất của tiền tuyến, Chi bộ chú trọng đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất. Nhân dân địa phương thi đua cấy hết diện tích, gieo trồng đúng thời vụ. Không chỉ trồng lúa, nhân dân còn tích cực gieo trồng các cây lương thực và hoa màu ngắn ngày như ngô, sắn... nhằm đảm bảo lương thực cho nhân dân, góp phần đóng nghĩa vụ cho Nhà nước và phong trào cách mạng ở địa phương.

Không chỉ vận động nhân dân sản xuất, Chi bộ Đảng thường xuyên vận động nhân dân thực hành tiết kiệm để đóng góp cho kháng chiến. Với truyền thống yêu nước và trách nhiệm của mình, nhân dân Yên Minh đã hăng hái tham gia ủng hộ kháng chiến dưới mọi hình thức. Trong những năm 1947 - 1951, hưởng ứng sự chỉ đạo của cấp trên, phong trào mua công trái, công phiếu kháng chiến được phát động rộng rãi. Nhân dân đã tích cực mua công trái, đóng góp quỹ ủng hộ quốc phòng...

Bên cạnh đó công tác bình dân học vụ tiếp tục được Chi bộ triển khai. Nhân dân đều tích cực tham gia phong trào bổ túc văn hóa, học để tránh tái mù chữ. Giáo dục phát triển tạo điều kiện cho nhân dân từng bước xây dựng đời sống văn hóa mới ở thôn, bản. Những quy định mới về sinh hoạt cộng đồng được thực hiện, tệ mê tín dị

đoan giảm hẳn, công tác thông tin, tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ đã góp phần vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tạo không khí vui tươi, mới mẻ ở địa phương.

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe ban đầu của nhân dân cũng được quan tâm. Dù còn có nhiều hạn chế về cơ sở vật chất và đội ngũ nhân lực y tế, nhưng các khóa huấn luyện cứu thương, vệ sinh, cấp cứu được cấp trên tổ chức phần nào cũng đã mở rộng tới xã. Để phòng trừ dịch bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe và sản xuất, nhân dân khắp làng xóm đều thực hiện ăn ở hợp vệ sinh, dọn dẹp sạch sẽ nơi ở. Vì vậy, trong điều kiện kháng chiến gian khổ, phương tiện vật chất còn nghèo nàn nhưng sức khỏe của nhân dân đã được cải thiện đáng kể.

Công tác phát triển đảng viên tiếp tục được triển khai, tới mùa thu năm 1950, Chi bộ xã Yên Minh đã kết nạp thêm được một số quần chúng tích cực như: Ma Văn Hảo, Lộc Thị Thanh, Nông Văn Út, Hoàng Văn Xiêm, Hoàng Văn Nam... Đây đều là những đồng chí ưu tú, sau này đều nắm giữ những trọng trách quan trọng trong tổ chức chính quyền ở địa phương.

Trước tình trạng kết nạp đảng viên ồ ạt ở các địa phương, cấp trên kịp thời ra chỉ thị uốn nắn cơ sở theo phương châm: *"Tích cực, thận trọng chất hơn lượng, phát triển đi đôi với củng cố"*. Để nâng cao chất lượng đảng viên, ngày 14/9/1950, Trung ương ra Chỉ thị số 28-CT/TW

về việc tạm ngừng kết nạp đảng viên mới trong toàn Đảng. Chấp hành Chỉ thị của Đảng, cuối năm 1950, Chi bộ Đảng xã Yên Minh tạm ngừng kết nạp đảng viên mới.

Đặc biệt, thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư ngày 29/12/1950 về cuộc vận động chỉnh đốn Đảng, Chi bộ Đảng Yên Minh tiến hành sửa chữa những khuyết điểm chính của cán bộ, đảng viên đã bộc lộ trong thời gian công tác, với mục tiêu đẩy mạnh giáo dục nâng cao trình độ chính trị, lý luận và lối sống cần, kiệm, liêm, chính cho cán bộ, đảng viên, đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình trong Đảng. Tài liệu học tập trong suốt cuộc vận động là cuốn *"Sửa đổi lối làm việc"* của Hồ Chủ tịch và cuốn *"Cách mạng dân chủ mới"* của đồng chí Trường Chinh. Theo phương châm kết hợp lý luận với thực tiễn, cán bộ, đảng viên trong toàn Chi bộ đã học tập và liên hệ với việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ như tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu và đóng góp cho kháng chiến. Cán bộ, đảng viên được tham gia học tập chỉnh huấn ngắn ngày để nhận thức rõ và thực hiện đúng nhiệm vụ của mình, nâng cao ý thức trách nhiệm, ý thức phấn đấu và quyết tâm khắc phục khó khăn, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, đoàn kết thống nhất nội bộ; quan tâm quyền lợi thiết thực của nhân dân, gần gũi nhân dân, sửa chữa bệnh mệnh lệnh, quan liêu.

Đầu năm 1950, hưởng ứng phong trào thi đua *"Rèn luyện Đảng tính"* do Trung ương phát động, Chi bộ Yên

Minh đã chỉ đạo tổ chức cho đảng viên học tập tài liệu về Điều lệ Đảng, tinh thần đấu tranh cách mạng, tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng. Thông qua phong trào, chất lượng Chi bộ và đảng viên ngày càng được tăng cường, tạo dựng uy tín trong quần chúng.

Tháng 02/1951, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II tuyên bố Đảng ra hoạt động công khai và đổi tên Đảng là Đảng Lao động Việt Nam. Đó là sự kiện lớn, khích lệ và là động lực mạnh mẽ trong hoạt động công tác của đảng viên. Tiếp đó, tháng 12/1951, Trung ương có chỉ thị mở rộng cuộc vận động chỉnh đốn Đảng nhằm *"nâng cao trình độ tư tưởng, ý thức công tác cán bộ, đảng viên, đồng thời chỉnh đốn tổ chức các chi bộ nông thôn"*. Theo sự chỉ đạo của Huyện ủy, Chi bộ xã Yên Minh đã khẩn trương triển khai một đợt học tập nghiêm túc, kết quả là đảng viên trong Chi bộ được nâng cao nhận thức về tình hình, nhiệm vụ kháng chiến cứu nước trong giai đoạn mới, nêu cao vai trò, nhiệm vụ, tính gương mẫu, tiên phong trong tự phê bình của đảng viên.

Từ năm 1952 - 1953, tình hình chiến sự có sự chuyển biến mau lẹ, nhất là vào cuối năm 1953, chiến sự ở chiến trường Tây Bắc đang chuyển biến nhanh chóng. Tháng 9/1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Đông Xuân 1953 - 1954, sau đó tháng 02/1954, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Do vậy, yêu cầu chi viện cho chiến trường là rất lớn. Đã

có nhiều quần chúng tham gia dân công hỏa tuyến hay tham gia trực tiếp phục vụ chiến dịch. Ngày 13/3/1954, trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ được mở màn. Chiến sự diễn ra rất ác liệt. Gần 2 tháng sau, ngày 07/5/1954, tất cả Bộ Chỉ huy của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ ra đầu hàng. Thất bại tại đây là hồi chuông báo tử cho chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên toàn thế giới. Sau trận thắng lịch sử này, Chính phủ ta đã ngồi vào bàn đàm phán tại Giơ-ne-vơ để bàn về hòa bình, độc lập cho dân tộc ta.

Năm 1954, theo chỉ đạo của cấp trên, xã Yên Minh được chia tách thành 2 xã: Việt Hoa (Nhạn Môn ngày nay) và Hưng Thịnh (Công Bằng ngày nay). Vì vậy, cơ cấu tổ chức Đảng cũng được sắp xếp lại. Theo sự chỉ đạo của Huyện ủy Chợ Rã, Chi bộ Việt Hoa được thành lập trên cơ sở chia tách từ Chi bộ xã Yên Minh. Đồng chí Cà Văn Nguyệt được cấp trên chỉ định làm Bí thư Chi bộ lâm thời. Giữa năm 1954, Chi bộ tiến hành tổ chức Đại hội Chi bộ lần thứ nhất (nhiệm kỳ 1954 - 1956). Sau khi đánh giá những thuận lợi và khó khăn, Đại hội đã đề ra phương hướng cho giai đoạn cách mạng tiếp theo. Đại hội đã tín nhiệm bầu Ban Chi ủy gồm 3 đồng chí. Đồng chí Cà Văn Nguyệt làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Lộc Thị Thanh, Cà Thanh Tịnh làm Chi ủy viên.

Ở Việt Hoa và các xã vùng cao của huyện Chợ Rã hầu như không có tình trạng phát canh thu tô và các hình thức

bóc lột khác của giai cấp địa chủ nên không tiến hành phát động giảm tô. Tuy nhiên, đây là vùng từng bị phỉ chiếm đóng, hoạt động mạnh, gây ảnh hưởng đến việc củng cố tổ chức Đảng, xây dựng chính quyền, các đoàn thể quần chúng và đời sống nhân dân các dân tộc sinh sống trong vùng. Do vậy, Tỉnh ủy, Huyện ủy Chợ Rã xác định nhiệm vụ cho các xã vùng cao lúc này là phát động tư tưởng trong nhân dân, tiếp tục cuộc vận động tiễu phỉ, phát hiện những phần tử còn lén lút hoạt động, ẩn náu, trà trộn trong nhân dân để cải tạo, giáo dục họ; xóa bỏ hoàn toàn cơ sở phỉ, làm trong sạch địa bàn. Một số đồng chí được cử đi học tập về công tác tiễu phỉ do huyện tổ chức như Hoàng Văn Chẩy, Cà Văn Nguyệt...

Trong những năm chống Pháp, toàn xã đã có 20 người tham gia trực tiếp cầm súng trên chiến trường như các đồng chí: Ma Văn Viên, Ma Văn Đường, Ma Văn Vàng, Cà Thanh Định, Ma Văn Ngọc, Cà Văn Lưu, Hoàng Văn An, Cà Sỹ Tường, Mạc Văn Thường, Chu Văn Vương, Cà Văn Cẩu, Cà Văn Phúc... Ở bất cứ chiến trường nào, con em Nhạn Môn đều phát huy tinh thần kiên cường, anh dũng chiến đấu, lập nhiều chiến công.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, xã Yên Minh (trong đó có địa bàn Nhạn Môn) đã luôn cố gắng, vượt mọi gian khổ và thiếu thốn, luôn đặt nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc lên hàng đầu, huy động sức người, sức của đóng góp tích cực cho tiền tuyến, cùng với nhân dân

cả nước đưa sự nghiệp cách mạng đến thắng lợi vẻ vang. Để làm nên những chiến công đó, Chi bộ Đảng Yên Minh đã lãnh đạo nhân dân đoàn kết một lòng, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, phát huy truyền thống yêu nước. Với trách nhiệm đối với sự nghiệp giải phóng đất nước, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chi bộ, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể quần chúng, nhân dân Nhạn Môn luôn chấp hành tốt mọi chủ chương của Đảng, thi đua lao động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, chuẩn bị tốt nhất tiềm lực, chuẩn bị bắt tay vào giai đoạn mới của cách mạng.

Như vậy, từ năm 1947 đến năm 1954, Chi bộ Giáo Hiệu - Yên Minh, trải qua quá trình ra đời, xây dựng và phát triển, đã có nhiều cố gắng, khắc phục khó khăn, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc. Mặc dù trình độ và kinh nghiệm còn hạn chế, nhưng cán bộ, đảng viên luôn nhiệt tình, cố gắng phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Chương III
CHI BỘ XÃ VIỆT HOA - NHẠN MÔN LÃNH ĐẠO TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

I. Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và cải tạo xã hội chủ nghĩa (1954 - 1965)

1. Khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội (1954 - 1957)

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử (ngày 07/5/1954), Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết (ngày 21/7/1954), trong đó cam kết tôn trọng các quyền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Trước tình hình mới, từ ngày 05 đến ngày 07/9/1954, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) đã họp và đánh giá tình hình, định ra những nhiệm vụ, chính sách mới. Nghị quyết của Hội nghị chỉ rõ: Nhiệm vụ cách mạng của nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc chưa hoàn thành, phải tiến hành theo những hình thức mới; nhiệm vụ và hình thức đấu tranh của 2 miền cũng khác nhau. Miền Bắc thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa, đồng thời ra sức chi viện cho đồng bào miền Nam trong cuộc đấu tranh chống ách thống trị của Mỹ và tay sai.

Trong bối cảnh đó, xã Việt Hoa đã gặp rất nhiều khó khăn trong công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế. Đó là điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, địa bàn núi cao, ít đất canh tác; xuất phát điểm của nền kinh tế rất thấp, kỹ thuật canh tác lạc hậu, năng suất thấp; mặt khác, do phải dốc sức chi viện cho chiến trường nên các cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất chưa có điều kiện được xây dựng. Bên cạnh những khó khăn trên, Việt Hoa cũng có những điều kiện thuận lợi cơ bản để xây dựng quê hương. Vốn trưởng thành trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, cán bộ, đảng viên và nhân dân đã tích lũy được ít nhiều kinh nghiệm, sẵn sàng vượt qua những khó khăn. Quần chúng nhân dân có tinh thần yêu nước, đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc.

Quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chi bộ và nhân dân Việt Hoa quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; tích cực đấu tranh chống bọn phản động, tuyên truyền cho nhân dân hiểu rõ chính sách đại đoàn kết của Đảng nhằm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả của cách mạng.

Nhận thức rõ những khó khăn và thuận lợi, Chi bộ Đảng Việt Hoa đã chủ động lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân địa phương khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và sẵn sàng đánh đuổi kẻ thù xâm lược.

Từ nhận thức về tình hình, chủ trương của Tỉnh ủy và Đảng bộ huyện Chợ Rã là phát động tư tưởng trong nhân dân, tiếp tục cuộc vận động tiễu phỉ, phát hiện những phần tử phỉ vẫn còn lén lút hoạt động, ẩn náu, trà trộn trong nhân dân để giáo dục, cải tạo họ; xóa bỏ dứt điểm hoàn toàn cơ sở của phỉ, làm trong sạch địa bàn, xã Việt Hoa được cấp trên xác định là một trong những địa bàn triển khai chủ yếu cuộc vận động này. Thời gian thực hiện từ tháng 7/1954 đến cuối năm 1954 đã căn bản hoàn thành.

Cuộc vận động chính trị này đã thu được một số kết quả quan trọng như: Một số tên phỉ còn lẩn trốn được đấu tranh phát hiện, một số tên liên quan đến hoạt động và là cơ sở của phỉ cũng bị tố giác. Chi bộ xã đã quán triệt nội dung tư tưởng, kiên quyết bài trừ cơ sở của phỉ, lập lại trật tự kỷ cương, đảm bảo duy trì sự lãnh đạo của Đảng. Thắng lợi của công tác này đã nâng cao thêm nhận thức chính trị của nhân dân trong xã, củng cố an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, từ đó nhân dân yên tâm sản xuất, khối đoàn kết dân tộc được củng cố.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện cuộc vận động chính trị này đã bộc lộ những yếu kém, khuyết điểm. Đó là còn nặng về việc tìm ra phỉ, chưa quan tâm đúng mức đến công tác giáo dục, nâng cao giác ngộ trong quần chúng nhân dân. Cuộc vận động này lại tập trung vào vùng sinh sống của đồng bào dân tộc Mông và Dao, coi

nhẹ địa bàn các dân tộc khác như dân tộc Tày. Trong quá trình thực hiện để xảy ra việc không quán triệt rõ tinh thần của cấp trên nên đã dẫn tới việc *"công tác ba cùng chưa quan niệm rõ, mới chỉ có một là cùng làm, nên chưa đi sâu nắm bắt được tình hình, nhất là trong cán bộ chỉ đạo còn ngại khó, ngại khổ, có tư tưởng nóng vội, muốn làm cho xong thì rút"*[1]. Từ những nguyên nhân trên đã dẫn tới việc đi sâu tìm hiểu đánh giá một số trường hợp được coi là phỉ hay có liên quan đến các hoạt động của phỉ là thiếu chính xác, trong đó, tại xã Việt Hoa, việc này đã dẫn tới việc quy kết oan sai cho một số cán bộ, đảng viên. Trong công tác vận động thành lập khu tự trị cũng để xảy ra sai lầm dẫn tới kỷ luật một số đồng chí đảng viên. Tình hình đảng viên ở Chi bộ lúc này khá phức tạp, một số đảng viên thoái hóa, cơ hội, việc kỷ luật đảng viên trở nên nặng nề. Sau đợt phát động, Chi bộ Việt Hoa bị khai trừ 2 đảng viên, kỷ luật lưu Đảng 6 tháng 1 đảng viên.

Quán triệt chủ trương của Đảng về công tác sửa sai, theo tinh thần chỉ đạo của Huyện ủy Chợ Rã về công tác sửa sai trong phát động quần chúng tiễu phỉ kết hợp với cuộc vận động thành lập khu tự trị Việt Bắc. Kế hoạch đã được vạch ra theo 2 bước sau: bước 1, tìm hiểu, xem xét các trường hợp bị xử trí oan sai; bước 2, Chi bộ triệu

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Pác Nặm, *Lịch sử Đảng bộ huyện Pác Nặm (1943 - 2012)*, tr.58.

tập Đại hội tiến hành việc bình xét phục hồi Đảng tịch cho các đồng chí bị xử trí oan. Chi bộ Việt Hoa tiến hành họp, xem xét từng trường hợp về chính trị, tư tưởng một cách khách quan, công bằng, có lý, có tình.

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Huyện ủy Chợ Rã, công tác sửa sai ở Việt Hoa được thực hiện sát với thực tế trên tinh thần: sai thì kiên quyết sửa, sai đâu sửa đấy; chấp hành đúng chính sách; tranh thủ kịp thời không ngại khó, ngại khổ. Bước vào sửa sai, công tác phát động tư tưởng được chuẩn bị khá chu đáo. Sau khi tiến hành họp kiểm điểm, thẳng thắn thừa nhận hạn chế và cẩn thận xem xét các trường hợp có dấu hiệu oan sai, thực hiện các Nghị quyết của Liên khu ủy và Tỉnh ủy về vấn đề sửa sai, Chi bộ Việt Hoa đã đề nghị cấp trên tiến hành phục hồi và sửa sai cho các đồng chí bị oan sai. Ngày 31/12/1956, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã đã ra Nghị quyết số 31-NQ/CR trả lại Đảng tịch cho các đảng viên bị xử trí sai. Sau văn bản này, ở Việt Hoa, đồng chí Ma Văn Hảo đã được phục hồi chức vụ trong Đảng tại địa phương.

Sau sửa sai trong cuộc vận động tiễu phỉ và cuộc vận động thành lập khu tự trị, bằng việc học tập các chủ trương, đường lối của Đảng và Chính phủ, cán bộ, đảng viên và nhân dân Việt Hoa đã thấy rõ hơn những tác động cơ bản mà cuộc vận động này đưa lại, tinh thần giác ngộ và ý thức cách mạng của nhân dân được nâng lên. Dù còn có những hạn chế, khuyết điểm, song Chi bộ

và nhân dân đã tích cực sửa chữa, minh oan cho những người bị quy kết sai lầm trước kia. Cũng thông qua cuộc vận động sửa sai, tình làng xóm của nhân dân được củng cố, tạo sự đồng thuận để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế của địa phương.

Nhằm củng cố tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, năm 1956, Chi bộ đã tiến hành tổ chức Đại hội Chi bộ lần thứ II (nhiệm kỳ 1956 - 1958). Đại hội đã tiến hành kiểm điểm những kết quả đạt được trong công tác lãnh đạo nhiệm kỳ trước, đánh giá những mặt mạnh và tồn tại khuyết điểm; nhận định tình hình và những nhiệm vụ trước mắt trong những năm tới; đề ra phương hướng và các biện pháp thực hiện những nhiệm vụ đó. Đại hội đã tiến hành bầu Chi ủy do đồng chí Cà Văn Nguyệt làm Bí thư Chi bộ. Sau Đại hội, hoạt động của Chi ủy đã có những tiến bộ đáng khích lệ. Chi ủy Việt Hoa được cấp ủy cấp trên đánh giá là Chi ủy tương đối có tín nhiệm với đảng viên và quần chúng[1].

Ngày 05/02/1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi *"Lời kêu gọi thi đua sản xuất, tiết kiệm"* tới đồng bào và cán bộ các địa phương, động viên nhân dân ra sức *"Cấy nhiều lúa, trồng nhiều màu; cày sâu cuốc bẫm, làm cỏ bỏ phân; chống hạn, chống lụt, diệt sâu bọ; khai phá ruộng hoang; chăn nuôi nhiều gia súc, tiết kiệm về mọi mặt"*. Hưởng

1. *Báo cáo về tình hình chỉnh đốn tổ chức trong bước 1 số 36-BC/CR (10/3/1957) của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã*, tr.4.

ứng lời kêu gọi thi đua yêu nước, nhằm từng bước phục hồi sản xuất, ổn định đời sống nhân dân trong xã, Chi bộ Việt Hoa đã phát động phong trào khai hoang, phục hóa. Các diện tích đất đã bỏ hoang lâu ngày được trồng cấy lại, đồng thời huy động nhân dân tích cực khai phá thêm những diện tích mới, do vậy diện tích đất nông nghiệp được khôi phục và tăng lên.

Để ổn định sản xuất, phù hợp với điều kiện công tác thủy lợi ở miền núi, xã Việt Hoa đã chỉ đạo nhân dân không phá rừng làm nương rẫy ở những khu vực đầu nguồn, tránh làm cạn kiệt nguồn nước về mùa khô, hạn chế lũ về mùa mưa. Hệ thống mương phai dẫn nước vào ruộng cũng được chú ý xây dựng. Xã đã huy động hàng trăm ngày công để xây dựng hệ thống thủy lợi nội đồng, dẫn nước tưới đến cả các chân ruộng cao mà trước đó phải bỏ. Trong thời kỳ này, xã đã xây dựng được một số phai, mương đảm bảo chủ động cung cấp nước tưới tiêu cho đồng ruộng, chuyển một phần diện tích sang cấy 2 vụ lúa.

Để khắc phục tình trạng thiếu sức kéo, nhân dân trong xã đã giúp đỡ nhau về trâu, bò và ngày công lao động. Các biện pháp, kỹ thuật gieo cấy, chăm sóc cây trồng cũng được cấp ủy quan tâm sát sao. Các biện pháp cày sâu, bừa kỹ, cấy dày, làm cỏ, sục bùn, đắp bờ giữ nước được chú trọng. Một số công cụ cầm tay thô sơ bước đầu được đưa vào sử dụng thay thế dần lối làm cỏ truyền thống. Tập

quán *"cấy chay"* của bà con cũng dần được loại bỏ bằng việc dùng phân chuồng bón cho lúa. Những cây giống mới cũng được đưa vào gieo trồng. Diện tích ngô, khoai lang và các cây trồng ngắn ngày tăng lên nhanh chóng. Dù thời tiết có những diễn biến không thuận lợi, nhưng năng suất lúa bình quân trong thời kỳ này đạt 290 kg/bung/năm. Ngoài đảm bảo an ninh lương thực, hằng năm xã đều đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước.

Bên cạnh cây lúa, trong thời gian này, Chi bộ cũng vận động nhân dân trồng thêm cây lương thực ngắn ngày như ngô, khoai, sắn để đáp ứng tình hình trước mắt, đảm bảo đủ lương thực vào mùa giáp hạt. Mặc dù còn rất khó khăn, nhưng nhờ tăng gia sản xuất nên tình trạng đói kém đã phần nào được giải quyết.

Năm 1955 - 1956, thiên tai và sâu bệnh đã làm nhiều diện tích sản xuất mất mùa, tuy không nặng nề bằng các xã khác trong huyện nhưng ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân.

Cùng với trồng lúa, một số loại cây màu như ngô, sắn, đậu đỗ các loại cũng đặc biệt được quan tâm. Nhờ các biện pháp kỹ thuật và chăm bón tốt nên năng suất và sản lượng đạt khá. Ngoài việc đáp ứng một phần nhu cầu lương thực, nhân dân còn bán cho Nhà nước.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm cũng đạt được những kết quả ban đầu. Trung bình số đầu lợn toàn xã là khoảng

170 con. Từ lợi thế diện tích đồi núi, đồng cỏ, xã Việt Hoa cũng chủ trương vận động nhân dân tăng nhanh số đàn trâu. Cho đến cuối năm 1957, số đàn trâu đạt khoảng 60 con (chủ yếu thả rông). Dựa trên tập quán chăn nuôi đã có từ trước, chăn nuôi gia cầm cũng được chú trọng, chủ yếu là nuôi gà, vịt.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục và y tế của Việt Hoa cũng có nhiều khởi sắc. Từ những kết quả đạt được trong sản xuất nông nghiệp, kinh tế dần ổn định và hồi phục, các hoạt động văn hóa - xã hội đã tạo ra những luồng sinh khí mới trong đời sống tinh thần của nhân dân. Xã Việt Hoa tiếp tục duy trì phong trào bình dân học vụ, nhân dân hăng hái tham gia học tập với tinh thần phấn khởi, quyết tâm xóa mù chữ. Phong trào bổ túc văn hóa cũng tiếp tục được quan tâm. Tuy nhiên, do còn nhiều bỡ ngỡ, phong trào phát triển tương đối chậm. Nhưng được sự chỉ đạo của cấp ủy, các lớp được mở thêm, đưa nhiệm vụ phát triển giáo dục vào chỉ tiêu thi đua, nhờ đó, phong trào có bước phát triển.

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân đã được Chi bộ và chính quyền xã Việt Hoa quan tâm chu đáo. Đội ngũ cán bộ y tế tuy còn mỏng nhưng phần nào đã được tăng cường và đáp ứng một phần công tác khám chữa bệnh cho nhân dân. Do đặc thù là vùng miền núi, nhân dân vốn có tập quán cầu cúng, uống nước lá rừng chữa bệnh, nay đội ngũ y tế đã tích cực vận động đồng

bào không mê tín, tự chữa bệnh cho mình. Nhờ những biện pháp tích cực đó, dịch bệnh đã giảm đáng kể, sức khỏe của nhân dân được đảm bảo tốt hơn.

Công tác văn hóa, văn nghệ được quan tâm phát triển ở tất cả các xóm và bước đầu đạt được những kết quả đáng khích lệ. Xã thường xuyên tổ chức biểu diễn văn nghệ, duy trì những nét đẹp trong văn hóa cổ truyền và bảo lưu, truyền lại cho thế hệ trẻ. Những lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc trong xã cũng được quan tâm giữ gìn. Chi bộ, chính quyền và các đoàn thể vận động nhân dân thực hiện nếp sống mới nên các hoạt động mê tín dị đoan ở xã Việt Hoa đã giảm nhiều. Việc cầu cúng và các hủ tục như ma to, cưới lớn, thách cưới bằng tiền, cưới tảo hôn đã hạn chế nhiều so với trước.

Do vị trí quan trọng, công tác xây dựng lực lượng vũ trang, giữ gìn trật tự, quốc phòng - an ninh của địa phương cũng được cấp ủy và chính quyền quan tâm. Xã đội thường xuyên được củng cố và kiện toàn, đảm bảo đủ số lượng và chất lượng. Lực lượng dân quân thường xuyên được tập luyện theo các phương án tác chiến của cấp trên, tuần tra canh gác, bảo vệ xóm, làng. Vì vậy, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn được giữ vững, góp phần lớn trong việc vô hiệu hóa âm mưu mua chuộc, sử dụng tay sai của các thế lực thù địch. Ngoài ra, dân quân xã cũng là thành phần quan trọng trong công tác thi đua phát triển sản xuất, xây dựng quê hương. Trong các công việc đào đắp mương,

phai, chống hạn, lũ lụt, phòng trừ sâu bệnh, dân quân, tự vệ xã là lực lượng đông đảo, tích cực.

Để đạt được những thành tích trên, Chi bộ Việt Hoa đã thường xuyên thực hiện công tác củng cố, xây dựng, tổ chức đội ngũ cán bộ, tăng cường bồi dưỡng và giáo dục đảng viên cả về năng lực và phẩm chất. Cán bộ, đảng viên quán triệt sâu sắc các chỉ thị của cấp trên về đạo đức, tác phong, tư cách của người đảng viên, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân.

Công tác giáo dục, nâng cao tinh thần giác ngộ của đảng viên cũng được quan tâm chỉ đạo. Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Chợ Rã, Chi bộ Việt Hoa tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập quán triệt các nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương khóa II. Các nội dung học tập tập trung vào *"Quan điểm lao động mới, Điều lệ Đảng Lao động Việt Nam, Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga, Chính sách đoàn kết dân tộc"*... ngăn chặn tư tưởng hòa bình, nghỉ ngơi khinh địch, quan liêu mệnh lệnh; không để xảy ra tình trạng vô ý thức kỷ luật, thoái thác trong công tác, nhiệm vụ được giao.

Về công tác cán bộ, Chi bộ Đảng thường xuyên chú trọng đến công tác bồi dưỡng cán bộ, bổ sung năng lực, sức chiến đấu của đảng viên và các cơ sở. Những đảng viên có năng lực được phân công đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng trong hệ thống chính quyền và các đoàn thể. Đồng thời, khi thực hiện chủ trương, nghị quyết của

cấp trên, cấp ủy Đảng luôn vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh thực tiễn của địa phương. Tuy còn những hạn chế nhất định, nhưng với sự cố gắng không ngừng, trong 3 năm (1954 - 1957), Chi bộ Đảng xã Việt Hoa đã lãnh đạo nhân dân hoàn thành nhiệm vụ mà cấp trên giao phó.

Công tác tự phê bình và phê bình cũng được chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc, do vậy kịp thời chấn chỉnh tư tưởng, lập trường chính trị của đảng viên. Các đảng viên tích cực có uy tín được bầu vào Chi ủy. Vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng được nâng lên rõ rệt. Tuy vậy, trong công tác Đảng vẫn bộc lộ những hạn chế: Tính Đảng, tính chiến đấu chưa cao, tập trung vào sản xuất và làm nghĩa vụ, ít đề cập đến xây dựng Đảng.

Trong 3 năm đầu sau khi hòa bình lập lại ở miền Bắc, Chi bộ Đảng rất coi trọng công tác xây dựng, củng cố chính quyền nhằm phát huy cao nhất vai trò điều hành công việc ở địa phương. Trong thời kỳ này, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã là đồng chí Nông Văn Út.

Bên cạnh đó, để phù hợp với tình hình mới, năm 1955, Mặt trận Liên Việt được đổi thành Mặt trận Tổ quốc. Các đoàn thể như Hội Phụ nữ cứu quốc, Đoàn Thanh niên cứu quốc, Hội Nông dân cứu quốc được đổi tên thành Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Nông hội. Trong giai đoạn mới, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng tại địa phương có nhiều đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, thu hút ngày càng nhiều đoàn viên, hội viên tham gia.

Hơn 3 năm hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, phục hồi sản xuất, phát triển văn hóa - xã hội, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Việt Hoa đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, đạt được những thắng lợi cơ bản. Trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo và thực hiện các nhiệm vụ, Chi bộ Đảng đã rút được nhiều kinh nghiệm quý báu. Nhờ đó, đời sống nhân dân dần đi vào ổn định, an ninh chính trị, trật tự xã hội được đảm bảo. Tình làng nghĩa xóm thêm bền chặt, nhân dân đoàn kết một lòng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chi bộ, chính quyền và các đoàn thể nhân dân được củng cố, thống nhất về tư tưởng và hành động. Đây là những điều kiện rất quan trọng để cán bộ, đảng viên và nhân dân Việt Hoa bước vào giai đoạn cải tạo, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2. Thực hiện hợp tác hóa nông nghiệp (1958 - 1960)

Đến hết năm 1957, về cơ bản Việt Hoa đã hoàn thành cuộc vận động tiễu phỉ và bước đầu khôi phục, phát triển kinh tế. Tình hình sản xuất dần ổn định, đời sống nhân dân bước đầu được cải thiện. Những kết quả đạt được đã mang lại lợi ích thiết thực cho người nông dân lao động; nhân dân Việt Hoa tích cực tham gia phong trào đổi công, đóng góp kiến thiết đất nước. Đó là những điều kiện thuận lợi căn bản để Việt Hoa bước vào thực hiện chủ trương hợp tác hóa, cải tạo xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, cũng còn những khó khăn đòi hỏi Chi bộ, chính quyền và nhân dân phải vượt qua. Khó khăn đầu tiên

là đội ngũ cán bộ vừa thiếu về số lượng, vừa thiếu kinh nghiệm lãnh đạo. Trình độ văn hóa của đại bộ phận cán bộ xã chỉ là lớp 2 - 3, thậm chí chỉ mới qua bình dân học vụ, chưa được bổ túc thêm văn hóa. Thêm vào đó, điều kiện cơ sở hạ tầng của địa phương còn thiếu thốn rất nhiều. Sản xuất chưa thực sự phát triển, đời sống nhân dân chưa đi vào thế ổn định vững chắc, về cơ bản vẫn là tự cấp tự túc.

Trước tình hình và nhiệm vụ mới, để tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 14 (tháng 11/1958) quyết định: Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể nông dân, thợ thủ công và cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần tư bản kinh doanh. Quán triệt Nghị quyết 14, triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV (ngày 29/01 đến ngày 03/02/1959) về nông nghiệp, cuối năm 1959, chấp hành Chỉ thị số 156-CT/TW ngày 25/8/1959 của Bộ Chính trị về việc tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp với hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi miền Bắc nước ta, cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp phát triển sản xuất đã được phát động.

Năm 1958, Đại hội Chi bộ xã Việt Hoa lần thứ III (nhiệm kỳ 1958 - 1960) được tổ chức. Đại hội đánh giá những thành quả đã đạt được, chỉ rõ những mặt còn hạn chế, khuyết điểm của nhiệm kỳ trước. Đại hội cũng phổ

biến và quán triệt rõ các chỉ đạo của cấp trên, xác định rõ phương hướng trong tình hình mới, đề ra mục tiêu và nhiệm vụ cho thời gian tới là: Cần phải từng bước xây dựng hợp tác xã, ổn định đời sống nhân dân, tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng, tăng cường chi viện cho chiến trường, chuẩn bị mọi mặt về tiềm lực quốc phòng.

Đại hội đã tiến hành bầu Chi ủy khóa III gồm 3 đồng chí. Chi ủy bầu đồng chí Cà Văn Nguyệt làm Bí thư.

Quyết tâm đưa Nghị quyết Đại hội vào cuộc sống, Chi bộ đã nhanh chóng triển khai một đợt học tập sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã trở thành phong trào thi đua mạnh mẽ, rộng khắp các xóm, tạo động lực và niềm tin thúc đẩy nhân dân sản xuất, tin tưởng vào đường lối và chính sách của Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó, Chi bộ Đảng cũng tổ chức các lớp giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên. Các đợt học tập về truyền thống vẻ vang của Đảng, học tập các văn kiện Đại hội Đảng về công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng hợp tác hóa cũng được triển khai đồng bộ. Đối với nhân dân, thông qua các đợt sinh hoạt này, nghị quyết của Chi bộ đã được tuyên truyền sâu rộng, để nhân dân nhận thức rõ ý nghĩa của việc xây dựng hợp tác xã và công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chi bộ tổ chức cho đảng viên học tập, thảo luận Dự thảo Báo

cáo chính trị và sửa đổi Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II, Chỉ thị số 169-CT/TW ngày 06/11/1959 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tuyên truyền, phát triển đảng viên mới và triển khai cuộc vận động *"Chỉnh huấn mùa xuân"* do Trung ương Đảng phát động. Qua các đợt sinh hoạt chính trị, nhận thức của mỗi đảng viên về tình hình mới được nâng lên rõ rệt, tác phong công tác có chuyển biến tích cực.

Thực hiện chủ trương, đường lối của Trung ương Đảng, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Kạn và Huyện ủy Chợ Rã, Chi bộ xã Việt Hoa đã tiến hành cuộc vận động xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp theo đúng đường lối, phương châm của Đảng, nâng cao chính trị tư tưởng trong nhân dân, quyết tâm hoàn thành tốt cuộc vận động hợp tác hóa trong nông nghiệp.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp là một nhiệm vụ hết sức khó khăn và phức tạp đối với xã Việt Hoa. Do nhân dân vốn có tập quán làm ăn riêng lẻ và điều kiện canh tác khó khăn nên việc tiến hành cuộc vận động này đòi hỏi Chi bộ Đảng phải có những bước đi phù hợp với điều kiện địa phương. Quán triệt tinh thần đó, Chi bộ đã xác định rõ: Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp là đưa nông nghiệp vào con đường làm ăn tập thể, từ tổ đổi công, hợp tác xã bậc thấp lên hợp tác xã bậc cao. Chủ trương hợp tác hóa nông nghiệp đi trước cơ giới hóa nông nghiệp, hợp tác hóa đi đôi với thủy lợi

hóa nông nghiệp và tổ chức lại lực lượng lao động. Xuất phát từ đặc điểm của xã, trong thời gian này, dù ở các địa phương khác đã tiến hành cuộc vận động thành lập hợp tác xã nông nghiệp, Việt Hoa vẫn chủ trương đẩy mạnh xây dựng tổ đổi công. Xã đã xây dựng được các tổ đổi công với quy mô từ 5 - 7 hộ vào một tổ.

Từ các tổ đổi công, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, Việt Hoa tiến lên xây dựng hợp tác xã theo đúng đường lối, phương châm của Đảng, bảo đảm theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ. Năm 1960, hợp tác xã nông nghiệp Việt Hoa được thành lập do ông Nông Thanh Chài làm Chủ nhiệm, ông Chu Đức Đàm làm Phó Chủ nhiệm, kế toán là ông Hoàng Văn Quách.

Lúc đầu được thành lập, hợp tác xã Việt Hoa có hơn 30 hộ tham gia. Toàn bộ ruộng đất, trâu, bò và công cụ sản xuất như cày, bừa được đưa vào hợp tác xã theo phương thức hoạt động tập thể. Hợp tác xã cũng chia thành các đội sản xuất, tổ thủy lợi, tổ kỹ thuật, tổ làm phân bón dưới sự điều hành của Ban quản lý hợp tác xã. Các đồng chí đảng viên được phân công đảm nhiệm công tác quản lý. Năm 1960, nhờ phong trào xây dựng tổ đổi công, hợp tác xã, nhân dân phấn khởi sản xuất, nên kết quả sản xuất nông nghiệp của xã đạt mức khá.

Nhận thức rõ thủy lợi có vai trò quan trọng đối với sản xuất nông nghiệp nên Chi bộ rất quan tâm chỉ đạo. Chi bộ chỉ đạo chính quyền và các đoàn thể vận động nhân

dân tiến hành cải tạo, nạo vét hệ thống mương phai đã có, xây dựng thêm một số đập, ngòi mới, đảm bảo đủ nước tưới tiêu cho nông nghiệp. Do chủ động được khâu nước tưới, nên diện tích 2 vụ lúa tăng lên nhanh chóng. Bên cạnh đó, công tác khai hoang cũng được quan tâm. Các chân ruộng bậc thang chủ động được nguồn nước cũng được đưa vào cày cấy. Đến cuối năm 1960, hợp tác xã đã gieo trồng khoảng 640 bung ruộng, trong đó diện tích lúa mùa chiếm chủ yếu (khoảng 550 bung).

Tuy nhiên, việc phát nương làm rẫy của nhân dân đã làm phá hoại nhiều diện tích rừng. Năm 1960, một số người thiếu cẩn trọng trong đốt nương đã để lửa cháy tràn lan, gây thiệt hại không nhỏ về tài nguyên, môi trường. Ngay sau đó, Chi bộ và chính quyền xã đã chỉ đạo chỉnh đốn việc phá rừng, đốt nương làm rẫy. Những diện tích rừng khác được bảo vệ, khoanh nuôi.

Chi bộ xã cũng chỉ đạo hợp tác xã tập trung phát triển mạnh trồng màu. Một số loại cây chính được đưa vào trồng thời kỳ này như ngô, khoai, sắn... đã góp phần ổn định và đảm bảo phần nào an ninh lương thực. Năm 1960, diện tích trồng màu toàn hợp tác xã Việt Hoa đạt khoảng 120 bung.

Chi bộ đặc biệt quan tâm đến việc đưa các biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất, công cụ sản xuất truyền thống của nhân dân đã dần được thay thế bằng các loại công cụ mới. Kỹ thuật chăm sóc, cày cấy, bón phân,

thâm canh tăng vụ cũng được áp dụng đã làm năng suất tăng lên rõ rệt. Năm 1960, năng suất lúa của xã đạt 340 kg/bung/năm.

Vốn là địa phương miền núi, diện tích đồi, đồng cỏ tương đối lớn và nhân dân có tập quán nuôi và chăn thả gia súc từ lâu, nên trong thời kỳ này, Chi bộ chủ trương tập trung đẩy mạnh phát triển đàn gia súc, gia cầm. Đến hết năm 1960, đàn trâu của xã là khoảng 70 con, đàn lợn khoảng 190 con. Chăn nuôi gia cầm hầu hết là chăn thả trong các hộ gia đình xã viên.

Song song với phong trào xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp, hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã mua bán cũng được thành lập. Theo chỉ đạo của Huyện ủy, năm 1960, hợp tác xã tín dụng được thành lập ở Việt Hoa do ông Hoàng Văn Thịnh làm Chủ nhiệm. Năm 1961, hợp tác xã mua bán xã Việt Hoa thành lập do ông Cà Thanh Định làm Chủ nhiệm, ông Ma Văn Lương làm Phó Chủ nhiệm. Cửa hàng mua bán đầu tiên đóng ở ngã ba Bộc Bố, sau chuyển về Phai Khỉm.

Thực hiện công tác ba thu (thu thuế, thu mua, thu nợ), trên cơ sở sản xuất đã bước đầu đi vào thế ổn định và phát triển, năm 1960 là năm đầu tiên Việt Hoa cùng một số địa phương khác trong huyện đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch trên giao về thuế. Đây cũng là năm mà xã Việt Hoa được Huyện ủy tặng Giấy khen vì những thành tích xuất sắc trong công tác thu mua lương thực, là một trong

những địa phương đi đầu trong phong trào thi đua của huyện Chợ Rã[1].

Đi đôi với nhiệm vụ phát triển kinh tế, lĩnh vực văn hóa - xã hội cũng được Chi bộ Đảng quan tâm chỉ đạo. Các lớp bình dân học vụ tiến hành từ trước nay tiếp tục được củng cố mở rộng ra khắp các thôn bản. Các lớp bổ túc văn hóa cũng được mở để cán bộ, nhân dân học tập. Chi bộ cũng chỉ đạo những đảng viên có trình độ thấp phải tự giác, gương mẫu đi học để nâng cao trình độ. Những đảng viên có trình độ khá thì tham gia làm giáo viên bình dân học vụ, đồng thời tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân tự giác đi học. Các đoàn thể quần chúng cũng tích cực hoạt động trong phong trào xóa mù chữ, đặc biệt là Đoàn Thanh niên. Nhiều đoàn viên, thanh niên đã đăng ký tham gia là chiến sỹ diệt giặc dốt. Để thực hiện tốt việc thanh toán nạn mù chữ, Chi bộ đã tổ chức mở các lớp bồi dưỡng giáo viên bình dân học vụ, huy động nhiều giáo viên phổ thông tham gia làm giáo viên bổ túc văn hóa.

Phân hiệu trường cấp I đã được thành lập từ năm 1957 tại thôn Phai Khỉm, với 3 lớp dạy từ lớp 1 cho đến lớp 3, thu hút đông đảo con em tới trường. Các cháu học sinh được tới trường tạo thêm không khí vui tươi trong mỗi gia đình, trên từng đường làng, ngõ xóm. Chất lượng dạy

1. *Báo cáo công tác một năm (năm 1960) số 6-BC/CR (ngày 25/4/1961) của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã*, tr.11.

và học từng bước có tiến bộ, phong trào thi đua *"thầy dạy chăm, trò học giỏi"* được giáo viên và học sinh hưởng ứng sôi nổi. Chi bộ cũng tranh thủ sự hỗ trợ của cấp trên và đóng góp của nhân dân địa phương, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nhu cầu học tập của con em nhân dân trong xã, tuy nhiên vẫn còn rất hạn chế và thiếu thốn. Lớp học chỉ là nhà tranh tre vách nứa 3 gian, cột tròn, gỗ tạp, bàn ghế bằng tre, vầu ghép lại.

Phong trào vệ sinh phòng bệnh, bảo vệ sức khỏe của nhân dân cũng có nhiều tiến bộ. Ý thức phòng bệnh của nhân dân đã được nâng lên rõ rệt. Chi ủy chỉ đạo Ban Y tế xã tuyên truyền, vận động nhân dân ăn, ở hợp vệ sinh, thực hiện tốt phong trào *"3 sạch - 3 diệt - sạch làng, tốt ruộng"* và được nhân dân tích cực ủng hộ. Các tập quán chăn nuôi thả rông, nhốt gia súc dưới gầm nhà sàn của đồng bào các dân tộc tưởng chừng rất khó thực hiện nhưng nhờ sự chỉ đạo quyết liệt và dân vận khéo, Chi bộ đã vận động được rất nhiều gia đình di dời trâu, bò ra khỏi gầm nhà sàn, hạn chế tối đa phóng uế bừa bãi xuống sông, suối.

Cấp ủy Đảng và chính quyền xã khuyến khích và tạo điều kiện để đội văn nghệ trong các làng, bản được thành lập. Các đội văn nghệ đã tổ chức nhiều buổi biểu diễn, góp phần cải thiện đời sống tinh thần, tạo không khí vui tươi, lành mạnh trong các thôn bản. Nội dung của hoạt động văn nghệ chủ yếu là các tiết mục thể hiện nét văn

hóa truyền thống đặc sắc của dân tộc, ca ngợi cuộc sống mới, lao động sản xuất trên con đường làm ăn tập thể, ca ngợi Đảng và Bác Hồ, động viên nhân dân đoàn kết xây dựng đời sống tiến bộ. Mạng lưới thông tin tuyên truyền cũng được củng cố, làm tốt chức năng phổ tiến thông tin đến nhân dân. Pa-nô, áp phích, khẩu hiệu được kẻ vẽ khắp các thôn bản đã kịp thời cập nhật, phổ biến những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến người dân trong xã.

Các tập tục trong đời sống từng bước thay đổi, không còn nặng nề như trước đây. Ma chay, cưới hỏi được tổ chức theo đời sống mới, giảm bớt lễ nghi và tiết kiệm. Những kết quả bước đầu của việc thực hiện kế hoạch kinh tế 3 năm (1958 - 1960) đã tác động tích cực đến phong trào xây dựng đời sống mới. Những kết quả đạt được trên lĩnh vực văn hóa - xã hội tuy còn hết sức khiêm tốn nhưng đối với Việt Hoa - nơi có nhiều tập quán lạc hậu đè nặng, trình độ dân trí còn thấp thì thực sự đó là thành tựu đáng khích lệ.

Mặt trận Tổ quốc là lực lượng đi đầu trong việc vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng tổ đổi công, hợp tác xã, tự nguyện đi vào làm ăn tập thể, hăng hái tham gia phong trào bình dân học vụ, xây dựng đời sống mới và cải thiện đời sống nhân dân. Các tổ chức thành viên như Nông hội, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ gắn chức năng, nhiệm vụ của mình với việc

thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng hợp tác xã, tăng gia sản xuất, xây dựng nếp sống văn hóa mới... Sự phối hợp có hiệu quả trên các mặt công tác của Chi bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân là nhân tố quyết định thành công trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị quan trọng ở địa phương.

Tuy hòa bình đã được lập lại, nhưng kẻ thù vẫn luôn tìm cách phá hoại, cản trở công cuộc khôi phục kinh tế và xây dựng xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta. Hơn nữa, địa bàn xã trước đây lại là điểm nóng về hoạt động của phỉ nên tình hình lại càng có những yếu tố gây bất ổn và phức tạp. Để đảm bảo công tác an ninh trật tự trên địa bàn, xã đã cử nhiều cán bộ quân sự tham gia các lớp huấn luyện ngắn hạn do huyện tổ chức. Bên cạnh đó, lực lượng dân quân được củng cố, dựa vào nhân dân để đấu tranh chống lại âm mưu phá hoại của kẻ thù. Nhờ việc nâng cao về chất lượng, trong thời gian này tình hình trật tự trị an của xã được đảm bảo, tình hình chính trị ổn định, nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Năm 1958, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Chợ Rã, xã Việt Hoa đã tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân xã. Nhân dân đều hăng hái và phấn khởi đi bầu cử để tìm người đại diện cho quyền lợi của mình. Thông qua đợt bầu cử này, hệ thống tổ chức chính quyền xã được kiện toàn và củng cố về hoạt động. Sau bầu cử, Hội đồng nhân dân xã đã họp để bầu ra Ủy ban hành chính xã nhiệm kỳ

mới. Đồng chí Nông Văn Út được tín nhiệm giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính. Thông qua các kỳ họp của Hội đồng, phương hướng, nhiệm vụ của địa phương cho những năm tiếp theo đã được xác định. Trong đó, nhiệm vụ quan trọng là tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, vận động nhân dân xây dựng và tham gia hợp tác xã, tích cực giúp đỡ nhau về nhân công, giống, vốn, công cụ lao động sản xuất... để giải quyết những khó khăn.

Năm 1960, Chi bộ xã Việt Hoa tiến hành Đại hội lần thứ IV (nhiệm kỳ 1960 - 1962). Đại hội đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ của kế hoạch kinh tế 3 năm (1958 - 1960). Qua đó chỉ ra những mặt đã đạt được, những hạn chế cần khắc phục và đề ra phương hướng cho nhiệm kỳ tiếp theo. Đại hội đã bầu Chi ủy gồm 3 đồng chí, đồng chí Cà Thanh Tịnh được bầu làm Bí thư Chi bộ.

Nhằm nâng cao hơn nữa phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ chính quyền, Chi bộ đã cử một số đồng chí lãnh đạo chủ chốt đi học các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ do huyện mở, góp phần nâng cao năng lực quản lý, từ đó, tăng cường uy tín và hiệp lực làm việc của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính.

Sau 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, Chi bộ Đảng xã Việt Hoa đã động viên quần chúng vượt qua khó khăn, giành được những thành quả đáng khích lệ. Đó là hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa các thành phần kinh tế, mà trọng tâm là hợp tác hóa nông nghiệp

(đã xây dựng được hợp tác xã nông nghiệp toàn xã), tích cực xây dựng hợp tác xã lên bậc cao, xác lập mối quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa - quan hệ bình đẳng giữa người với người trong sở hữu các tư liệu sản xuất và phân phối sản phẩm. Công giác giáo dục có những tiến bộ, đánh dấu bước chuyển biến tích cực trong sự nghiệp giáo dục ở Việt Hoa. Ban Y tế cũng phần nào đã đảm nhiệm vai trò chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân trong xã. Đời sống nhân dân cơ bản ổn định, tình hình an ninh chính trị của địa phương được giữ vững. Tổ chức Đảng được củng cố trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức, đủ sức tập hợp, rèn luyện, giác ngộ quần chúng nhân dân, thi đua thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước đề ra. Đó là nền tảng cơ bản để nhân dân Việt Hoa phấn đấu khắc phục mọi khó khăn dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, chuẩn bị bước vào thời kỳ mới: Đẩy mạnh thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965).

3. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)

Kết thúc thắng lợi kế hoạch 3 năm, nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nói chung và Việt Hoa nói riêng về cơ bản đã hoàn thành. Tháng 9/1960, Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam được tổ chức tại Hà Nội. Đại hội đã đề ra những nhiệm vụ chiến lược cho cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

Ở miền Bắc, *"chuyển sang lấy nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, đồng thời hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa làm cho kinh tế miền Bắc nước ta trở thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa"*[1]. Ở miền Nam, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến tới thống nhất đất nước. Tiếp đó, tháng 9/1961 và tháng 02/1963, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành nghị quyết về phát triển nông nghiệp toàn diện, tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở những thành tựu to lớn về cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa đã đạt được, căn cứ vào đường lối chung do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III của Đảng đã thông qua, Ban Chấp hành Trung ương đã định ra kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) nhằm mục tiêu phấn đấu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hoàn thành công cuộc cải tạo chủ nghĩa xã hội.

Bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã đã chỉ đạo các chi bộ cơ sở bám sát mục tiêu vừa phát triển kinh

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng, tập III*, Nxb. Sự thật, tr.25-26

tế - xã hội vừa tiếp tục đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa nông nghiệp gắn với việc thực hiện vận động định canh định cư đối với đồng bào vùng cao.

Căn cứ vào các nội dung chỉ đạo của cấp trên và tình hình đặc điểm của địa phương, trên cơ sở phương hướng, nhiệm vụ do tỉnh và huyện đề ra, Chi bộ Việt Hoa xác định rõ: Phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp theo hướng toàn diện và vững chắc, trên cơ sở đó bước đầu phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng nhằm phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao dân trí, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong sản xuất lao động, bước đầu đạt được những kết quả nhất định nhưng nhìn chung, hợp tác xã nông nghiệp còn bộc lộ sự non kém, thiếu kinh nghiệm trong quản lý lao động, hạch toán và phân phối đến khoán nhóm, khoán việc... Một số yếu kém trong quản lý và điều hành đã dẫn đến một số chỗ còn chưa công bằng, gây tâm lý thiếu nhiệt tình trong một bộ phận xã viên, hoạt động chưa thực sự mạnh mẽ và quyết liệt. Vì vậy, một trong những nhiệm vụ trọng tâm của hợp tác xã là khắc phục những khuyết điểm và hạn chế trong công tác điều hành.

Năm 1962, Chi bộ Đảng xã Việt Hoa đã tiến hành tổ chức Đại hội Chi bộ khóa V (nhiệm kỳ 1962 - 1964). Sau khi tổng kết đánh giá và rút ra hạn chế của nhiệm kỳ trước, Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong

thời kỳ mới, với 3 nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện là: Củng cố mở rộng quy mô hợp tác xã nông nghiệp, không ngừng cải tiến quản lý hợp tác xã; tập trung phát triển kinh tế đặc biệt là nông nghiệp; đẩy mạnh phát triển văn hóa - xã hội tại địa phương. Với những nhiệm vụ trọng tâm đó, Chi bộ đã đề ra nhiều biện pháp cụ thể chỉ đạo chính quyền và nhân dân quyết tâm hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra. Đại hội đã tiến hành bầu Chi ủy khóa V gồm 3 đồng chí. Đồng chí Cà Thanh Tịnh được bầu làm Bí thư Chi bộ.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Chi bộ, Chi ủy tập trung phát triển nông nghiệp, đặc biệt là chỉ đạo hoạt động của hợp tác xã. Phối hợp cùng các đơn vị bạn, xã đã cử cán bộ và những hộ xã viên đi tham quan, khảo sát học hỏi kinh nghiệm ở những đơn vị điển hình sản xuất trong huyện để trao đổi kinh nghiệm học tập cách làm ăn, nâng cao hiệu quả sản xuất. Thông qua hoạt động này, hợp tác xã đã học hỏi được kinh nghiệm nhiều mô hình sản xuất tiên tiến, áp dụng một cách sáng tạo với điều kiện của địa phương.

Thực hiện chủ trương *"làm thủy lợi 2 năm"* do Tỉnh ủy phát động, Chi bộ Việt Hoa đã chỉ đạo chính quyền và hợp tác xã động viên toàn dân, nhất là lực lượng dân quân và thanh niên đẩy mạnh phong trào làm thủy lợi. Trong thời kỳ này, nhiều công trình thủy lợi đã được xây dựng, nhờ đó, các diện tích đủ nước trồng lúa hai vụ

đã tăng lên đáng kể so với thời kỳ trước. Đến cuối năm 1965, diện tích gieo cấy toàn xã Việt Hoa đạt khoảng hơn 660 bung.

Trong giai đoạn này, nhiều giống lúa mới như Nông nghiệp 8, Nam Ninh, Mộc tuyền... đưa vào sản xuất đã góp phần làm đa dạng hóa giống cây trồng cũng như chất lượng lúa. Chi bộ cũng phát động chiến dịch thả bèo hoa dâu, làm phân bón (phân xanh, phân chuồng), thu hút đông đảo các hộ xã viên và nhân dân tham gia, đặc biệt là phụ nữ và thanh niên. Trong giai đoạn này, trung bình mỗi bung ruộng bón khoảng 8 - 9 gánh phân.

Hưởng ứng chỉ đạo của huyện Chợ Rã về việc *"đưa cây màu xuống ruộng"*, Chi ủy đã chỉ đạo chính quyền, hợp tác xã lựa chọn một số cây màu phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của xã như ngô, khoai, sắn, rau củ... vào trồng thâm canh, xen canh. Cùng với cây lúa, việc trồng các loại hoa màu này đã mang lại hiệu quả kinh tế, góp phần giải quyết vấn đề lương thực của địa phương, nhất là trong thời điểm giáp hạt.

Nhằm từng bước khắc phục khó khăn, khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai, nâng cao hiệu suất sử dụng và tăng năng suất cây trồng, hợp tác xã xác định việc cần thiết là phải đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật. Các công cụ cải tiến như cày 51 - 58, cào cỏ Nghệ An, bừa nước, trục lăn, quạt hòm... được sử dụng ngày càng phổ biến. Các khâu trong canh tác đều được chuẩn bị kỹ lưỡng. Hằng năm,

trước khi bước vào sản xuất, cán bộ kỹ thuật và đội ngũ xã viên nòng cốt được tập huấn về ngâm ủ, gieo cấy, chăm sóc giống mới, cấy dày, đúng mật độ, thẳng hàng... Cùng với đó, một số diện tích lầy thụt được cải tạo bằng vôi, thau rửa bằng nước để tạo độ pH thích hợp cho cây trồng.

Năm 1962, thời tiết không thuận lợi, rét đậm đầu năm làm ảnh hưởng đến sự phát triển của cây lúa. Với các biện pháp chủ động, mở rộng diện tích gieo trồng nên so với năm 1961, dù năng suất có giảm nhưng tổng sản lượng lương thực vẫn được giữ vững. Vụ mùa năm 1962, sản lượng lương thực có hạt tăng 8,3%, bình quân nhân khẩu đạt 357 kg/năm. Từ việc sản xuất lương thực được giữ vững, công tác thu mua lương thực của Việt Hoa cũng đạt và vượt kế hoạch do cấp trên giao. Việt Hoa là một trong số ít xã công tác thu mua đạt 100 - 102% của huyện Chợ Rã[1].

Thực hiện chủ trương của huyện về công tác phát triển chăn nuôi, song song với trồng trọt, để đảm bảo sức kéo, cung cấp một phần nguồn thực phẩm cho nhân dân và giải quyết phần lớn phân bón cho đồng ruộng, Chi bộ Việt Hoa chỉ đạo hợp tác xã chú trọng phát triển đàn trâu, bò. Năm 1962, tổng đàn trâu, bò của xã đạt gần 80 con. Thời kỳ này, xã cũng đã tổ chức được trại chăn nuôi trâu, bò, song do cơ sở vật chất chuồng trại

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Pác Nặm, *Lịch sử Đảng bộ huyện Pác Nặm (1943 - 2012)*, Bắc Kạn, tr.70.

yếu kém, công tác thú y chăm sóc sinh sản chưa tốt, thiếu cỏ ăn về mùa rét, nên đàn trâu, bò không có điều kiện phát triển tốt. Việt Hoa cùng với các xã Thạch Sơn, Văn Y, Hương Thịnh là đơn vị có thành tích dẫn đầu về chăn nuôi lợn, trong đó tổng số đầu lợn tại Việt Hoa là khoảng 200 con. Ngoài chăn nuôi tập thể ở hợp tác xã, chăn nuôi gia súc, gia cầm ở trong các hộ gia đình cũng khá phát triển. Nhờ làm tốt công tác này, nhân dân Việt Hoa luôn hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Nhà nước. Năm 1965, thu mua thực phẩm các loại (thịt hơi gia súc, gia cầm) đạt khoảng 1.800kg. Chi bộ và chính quyền xã cũng quan tâm xây dựng hệ thống nhà kho, sân phơi, chuồng trại chăn nuôi... phục vụ cho sản xuất nông nghiệp của địa phương.

Thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng phong trào *"Ba ngọn cờ hồng"* ở nông thôn, Chi bộ Việt Hoa tập trung lãnh đạo phát triển hơn nữa các mặt của hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã mua bán. Thời gian đầu mới thành lập, tuy còn nhiều khó khăn và bỡ ngỡ nhưng hợp tác xã mua bán đã làm tốt chức năng, vai trò là đại lý cho huyện, đảm bảo cung ứng những mặt hàng thiết yếu phục vụ trực tiếp cho sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. Hợp tác xã tín dụng Việt Hoa đã góp phần vào việc thu hút vốn từ nhân dân, tạo điều kiện cho vay để sản xuất, chăn nuôi, mở rộng ngành nghề. Cho đến cuối năm 1965, hợp tác xã tín dụng, mua bán thu hút khoảng 60% hộ xã viên tham

gia. Những kết quả bước đầu trong thực hiện phong trào xây dựng *"Ba ngọn cờ hồng"* ở Việt Hoa đã bước đầu được củng cố và hoàn thiện thêm một bước nữa.

Ngoài trồng trọt, cấp ủy và chính quyền Việt Hoa cũng chú ý đến mở rộng và phát triển các ngành nghề khác. Hoạt động kinh tế từ rừng được quy hoạch tập trung và phát triển lên một bước. Ban Lâm nghiệp của xã được thành lập để chỉ đạo kinh doanh nghề rừng với các tổ chuyên khai thác lâm sản. Bên cạnh đó, Ban cũng giám sát chặt chẽ công tác tu bổ và bảo vệ rừng, thường xuyên nhắc nhở và chỉ đạo hoạt động khai thác không được phép phá rừng bừa bãi hay tận thu làm cạn kiệt và suy giảm rừng.

Để nâng cao vai trò tổ chức và quản lý của các hợp tác xã nông nghiệp, ngày 19/02/1963, Bộ Chính trị ra nghị quyết về *"Cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp, toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc"*. Thực hiện nghị quyết của cấp trên, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy Chợ Rã, Chi bộ đã cử cán bộ và thành viên Ban quản trị, đội sản xuất tham gia học tập về cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, sau đó phổ biến cho xã viên. Qua học tập, cán bộ, xã viên đã nêu cao tinh thần chủ động, hăng hái trong lao động sản xuất; quyền hạn chức trách của Ban quản trị được quy định cụ thể. Ban quản trị hợp tác xã đã xác định rõ cách thức tổ chức sản xuất, kết hợp giữa trồng trọt và chăn nuôi, các khâu

trong quá trình sản xuất như làm phân bón, thủy lợi. Qua 2 vòng cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp, đã có hàng chục cán bộ xã và hợp tác xã đã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

Song song với mặt trận sản xuất, trên các mặt văn hóa, giáo dục, y tế của Việt Hoa cũng đạt được những thành tựu quan trọng. Trong những năm 1961 - 1965, giáo dục tiếp tục phát triển. Phân hiệu trường cấp I tại xã tiếp tục thu hút thêm nhiều con em các dân tộc đến trường. Đối với cấp II, do chưa có trường, học sinh trong xã đến học tại trường phổ thông cấp II Bộc Bố. Dù cơ sở vật chất, đầu tư cho giáo dục phổ thông còn rất hạn chế, nhưng thời kỳ này phong trào thi đua *"Hai tốt"* diễn ra sôi nổi ở các cấp học. Bên cạnh giáo dục phổ thông, công tác bổ túc văn hóa cũng tiếp tục được duy trì và phát triển. Không phân biệt lứa tuổi, bất kỳ ai có nhu cầu đều được bố trí học bổ túc văn hóa để nâng cao trình độ.

Công tác y tế cũng được chú trọng nhằm tăng cường chăm lo, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân. Năm 1965, trạm xá đã được xây dựng, ban đầu chỉ là nhà đơn sơ 3 gian, 1 gian phòng bệnh nhân, 1 gian cán bộ, 1 gian phòng thuốc. Về đội ngũ cán bộ, trạm xá ban đầu có 1 y sỹ, 2 y tá, 1 nữ hộ sinh. Trạm trưởng y tế đầu tiên là ông Cà Văn Chúc. Công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em đã được quan tâm. Nhiều phụ nữ dân tộc thiểu số, do tập tục lâu đời trước đây việc sinh nở đều khó khăn nay đã mạnh dạn đến

trạm xá khám thai, sinh nở ở trạm xá. Việc tuyên truyền và vận động nhân dân thực hiện vệ sinh phòng bệnh được quan tâm. Phong trào *"ba sạch, ba diệt"* được cụ thể bằng các hoạt động *"sạch làng, tốt ruộng"*. Các phong trào khác như *"ăn chín, uống sôi"* cũng được phát động để phòng trừ các dịch bệnh dễ phát sinh. Nhờ làm tốt công tác y tế tại cơ sở, trong suốt thời kỳ này trên địa bàn xã không có dịch bệnh nào phát sinh.

Để kịp thời thông báo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến nhân dân, xã Việt Hoa đã củng cố hệ thống tuyên truyền viên ở các thôn bản, kẻ vẽ nhiều khẩu hiệu, áp phích, khuyến khích đọc và học điều tốt theo sách báo. Xã cùng các tổ chức đoàn thể phối hợp làm tốt công tác văn hóa, văn nghệ, đặc biệt là chú trọng tiếp tục động viên và phát triển đội ngũ văn nghệ quần chúng ở các thôn bản. Nhiều tiết mục ca hát, kịch nói... ca ngợi Tổ quốc, Đảng và Bác Hồ, nêu cao tinh thần hăng hái sản xuất và lao động đã được tự biên, tự diễn. Năm 1962, thực hiện Thông tư số 94-TTg ngày 20/9/1962 của Thủ tướng Chính phủ về việc thống nhất tổ chức văn hóa thông tin các cấp, dưới sự hướng dẫn của cấp trên, Ban Văn hóa thông tin xã Việt Hoa đã được thành lập, làm nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy, chỉ đạo thông tin văn hóa, xây dựng nếp sống văn hóa mới.

Trong phong trào xây dựng đời sống mới, các gia đình đều đăng ký tham gia thực hành tiết kiệm trong ma

chay, cưới hỏi, giỗ chạp. Các tổ chức quần chúng của thanh niên, phụ nữ thường đứng ra tổ chức cưới cho các thành viên trong hội, đoàn. Chi bộ giao các cơ quan đoàn thể phối hợp với Ban Văn hóa khôi phục và tổ chức các hoạt động văn hóa đặc sắc của các dân tộc và địa phương. Mặt khác, Chi bộ chỉ đạo chính quyền và các đoàn thể ở Việt Hoa tích cực đấu tranh chống lại những tàn dư của xã hội cũ, chống mê tín dị đoan, cầu cúng. Những người hành nghề bói toán, thầy cúng được tập trung giáo dục, vận động ký cam kết, nhờ đó, đời sống tinh thần của nhân dân đã được cải thiện rõ rệt.

Để có được những thành tựu trên, ngoài tinh thần tự lực tự cường, chăm chỉ và quyết tâm biến khó khăn thành động lực, trong những năm thực hiện kế hoạch kinh tế 5 năm lần thứ nhất, nhân tố quyết định mọi thắng lợi trên của nhân dân đó chính là sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng xã Việt Hoa. Từ giữa năm 1962, thực hiện cuộc vận động xây dựng chi - Đảng bộ *"bốn tốt"* (lãnh đạo sản xuất tốt; lãnh đạo thực hiện chính sách tốt; phát triển đời sống và vận động quần chúng tốt; củng cố, xây dựng và làm tốt công tác phát triển Đảng), được sự chỉ đạo của Huyện ủy, Chi bộ Đảng Việt Hoa đã tích cực đề ra những chủ trương, biện pháp cụ thể để củng cố tổ chức Đảng, đảm bảo thực hiện tốt nội dung cuộc vận động. Ngoài việc tiến hành giáo dục thường xuyên, theo sự hướng dẫn của Tỉnh ủy, các đợt học tập, chỉnh huấn liên tiếp được tổ chức như: Học tập

ý nghĩa vụ sản xuất đông xuân, nhiệm vụ cách mạng của 2 miền Nam - Bắc, thi đua sản xuất chống Mỹ, cứu nước, nghĩa vụ quốc tế của Đảng... Tài liệu học tập chủ yếu là: Chỉ thị của Ban Bí thư về cuộc vận động 4 tốt; Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần 8 và 9; Bài nói chuyện của Hồ Chủ tịch tại Hội nghị chính trị đặc biệt; bài viết của đồng chí Nguyễn Chí Thanh về cuộc đấu tranh giữa con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa...

Qua các đợt học tập, kết hợp với 10 nhiệm vụ của đảng viên do Điều lệ quy định và tiêu chuẩn 4 tốt, các đảng viên được sàng lọc, đánh giá khách quan, nếu còn thiếu và yếu sẽ được giúp đỡ, uốn nắn. Ý thức giác ngộ chủ nghĩa xã hội, tổ chức kỷ luật đạo đức tác phong, tinh thần tập thể của cán bộ, đảng viên trong Chi bộ được nâng lên rõ rệt. Cán bộ, đảng viên cũng nắm bắt được đường lối, chủ trương của Đảng, thấy rõ những thắng lợi đạt được củng cố niềm tin vững chắc vào đường lối của Đảng, nhận thức những khó khăn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, ở miền Bắc và cuộc kháng chiến chống Mỹ lâu dài ở miền Nam. Từ đó, những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân được khắc phục.

Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, kỷ luật trong Đảng cũng được Chi bộ thực hiện nghiêm túc. Những đảng viên có ý thức kém, phạm sai lầm và không có phương hướng khắc phục, giáo dục nhưng không có tiến bộ đều bị kiên quyết xử lý.

Từ năm 1961 đến năm 1964, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và của Tỉnh ủy, xã Việt Hoa cùng với các xã phía Bắc của huyện Chợ Rã được coi là trọng điểm trong đợt 1 của cuộc vận động xây dựng vùng xung yếu. Triển khai cuộc vận động, Chi bộ Đảng phát động tư tưởng quần chúng, các dân tộc nâng cao giác ngộ chính trị, lập trường giai cấp...

Công tác xây dựng Đảng đã đạt được một số kết quả, nhất là phát triển Đảng trong các dân tộc ít người. Trong giai đoạn 1961 - 1965, Chi bộ Việt Hoa đã kết nạp thêm một số đảng viên, trong đó hầu hết là đồng bào dân tộc thiểu số. Một số đồng chí được kết nạp vào thời gian này như: Sê A Cá (năm 1961), Nông Thanh Chài (năm 1961), Cà Văn Phúc (năm 1961), Chu Thanh Lương (năm 1962)...

Ngày 12/5/1964, theo chủ trương của cấp trên, xã Việt Hoa được đổi tên là Nhạn Môn. Năm 1964, Đại hội Chi bộ xã Nhạn Môn lần thứ VI (nhiệm kỳ 1964 - 1966) được tiến hành. Đại hội đã tổng kết những kết quả đạt được trong 3 năm thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, trong đó khẳng định một số kết quả như: đời sống của nhân dân đã được cải thiện đáng kể, các phong trào xây dựng hợp tác xã đã bước đầu thu được kết quả... Tuy nhiên, Đại hội cũng thẳng thắn chỉ ra những hạn chế còn tồn tại trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo trên các mặt. Đại hội chỉ rõ nguyên nhân của những khuyết điểm đó là năng lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn yếu

kém dẫn đến hoạt động thiếu sâu sát; năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của Chi ủy, chính quyền và Ban quản trị hợp tác xã chưa đáp ứng được yêu cầu của phương thức sản xuất mới, công tác quản lý và điều hành lao động cũng tồn tại nhiều hạn chế; việc mở rộng ngành nghề trong hợp tác xã nông nghiệp để giải quyết việc làm tăng thu nhập cho xã viên và làm phong phú thêm kinh tế của xã chưa được chú trọng... Từ việc nhận thức rõ những mặt yếu đó, Đại hội cũng đã đề ra phương hướng và biện pháp khắc phục những tồn tại, phấn đấu đưa Chi bộ Việt Hoa trở thành Chi bộ khá của huyện. Đại hội đã bầu ra Ban Chi ủy khóa VI gồm 3 đồng chí. Đồng chí Ngô Thanh Chài được bầu làm Bí thư Chi bộ.

Trong khi nhân dân Nhạn Môn nói riêng và miền Bắc nói chung đang tích cực lao động, làm nghĩa vụ cho Nhà nước, trở thành hậu phương vững chắc cho tiền tuyến, đấu tranh thống nhất nước nhà thì một số phần tử phản động lại nhen nhóm lực lượng, ráo riết tuyên truyền chống phá cách mạng, đả kích cán bộ, gây chia rẽ đoàn kết dân tộc, phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tháng 02/1961, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết về nhiệm vụ quân sự trong 5 năm (1961 - 1965). Nghị quyết chỉ rõ: *"Quân và dân ta phải chuẩn bị đầy đủ về tinh thần và thực lực, bảo đảm cho cách mạng miền Nam giành thắng lợi khi có thời cơ, đồng thời, phải tích cực chuẩn bị, sẵn sàng đối phó với âm mưu và hành động mở*

rộng chiến tranh của địch"[1]. Thấm nhuần tinh thần đó, cán bộ, đảng viên và nhân dân Nhạn Môn đã có nhiều cố gắng xây dựng lực lượng, bảo vệ quê hương và sẵn sàng chi viện cho tiền tuyến miền Nam. Tất cả cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên đều tự nguyện tham gia lực lượng dân quân, tự vệ tại địa phương. Đồng thời Chi bộ cũng chấn chỉnh, bổ sung quân số, tổ chức theo các hợp tác xã và đội sản xuất. Vận động nhân dân nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, giữ vững trật tự an toàn xã hội, bảo vệ cuộc sống nhân dân.

Giữa lúc nhân dân miền Bắc đang thi đua sản xuất và giành được nhiều thắng lợi thì ở miền Nam, chiến lược *"Chiến tranh đặc biệt"* của Mỹ đang có nguy cơ phá sản. Nhằm gỡ thế bí, đế quốc Mỹ một mặt tăng cường chiến tranh ở miền Nam, mặt khác tìm cách phá hoại miền Bắc. Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập Hội nghị chính trị đặc biệt (tháng 3/1964) và phát động phong trào thi đua *"Mỗi người làm việc bằng hai vì đồng bào miền Nam ruột thịt"*. Từ giữa năm 1964, Bộ Chính trị chỉ thị cho các địa phương phải nâng cao cảnh giác đối phó với âm mưu thâm độc của địch, đề ra kế hoạch tăng cường chỉ đạo, đẩy mạnh công tác quân sự, sẵn sàng chiến đấu. Năm 1964, quán triệt chủ trương của Đảng, Chi bộ xã Nhạn Môn tăng cường giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao ý thức đấu tranh cách mạng,

1. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 2,* tr.182.

trách nhiệm của địa phương đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Quyết tâm giải phóng miền Nam trở thành ý chí của toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân Nhạn Môn, đã được thể hiện bằng những hành động thiết thực. Với khẩu hiệu *"Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người"*, hằng năm, nhân dân Nhạn Môn luôn đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước. Phong trào tòng quân lên đường làm nhiệm vụ giải phóng miền Nam diễn ra sôi nổi.

Giai đoạn 1961 - 1965, Mặt trận Tổ quốc xã Nhạn Môn đã đi tiên phong trong vận động nhân dân hưởng hứng phong trào thi đua *"Phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất"*, triển khai nội dung thi đua sâu rộng trong toàn xã và được nhân dân tích cực hưởng ứng. Mặt trận luôn chấp hành sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, thúc đẩy các phong trào tại địa phương phát triển. Đoàn Thanh niên thường xuyên tổ chức cho đoàn viên học tập lời dạy của Bác Hồ, các nghị quyết của Đảng, Đoàn. Qua đó nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa *"mình vì mọi người"*, nâng cao ý thức chính trị, tạo khí thế mới trong phong trào thi đua *"Đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên"*, *"Ba sẵn sàng"*... Hội Phụ nữ xã tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị động

viên hội viên tích cực hưởng ứng các phong trào *"Phụ nữ năm tốt", "Ba đảm đang"*... Đặc biệt trong những năm 1964 - 1965, khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc, Hội Phụ nữ xã đã phát huy vai trò của mình, quyết tâm chu tất việc đồng áng, nuôi dạy con cái để người nơi tiền tuyến yên tâm.

Từ năm 1961 đến năm 1965, Chi bộ Đảng đã lãnh đạo nhân dân xã Nhạn Môn tham gia bầu cử Quốc hội khóa III (năm 1964) và Hội đồng nhân dân các cấp (năm 1961 và năm 1964). Bộ máy chính quyền cũng được củng cố và kiện toàn, tích cực triển khai các nghị quyết của Chi bộ và Hội đồng nhân dân. Ủy ban hành chính làm tốt vai trò, góp phần hoàn thành nhiệm vụ quản lý nhà nước ở địa phương, chỉ đạo các hoạt động xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh. Trong thời kỳ này, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã là đồng chí Nông Thanh Chài.

Dù đã có những cố gắng rất lớn trong việc lãnh đạo nhân dân vượt qua những thử thách (xã Nhạn Môn được xếp vào loại khó khăn nhất của huyện), song so với các Chi bộ khác, Nhạn Môn vẫn là đơn vị còn bộc lộ rất nhiều hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Tổng kết 5 năm, Huyện ủy đánh giá Chi bộ hoạt động yếu, năng lực của đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu trong giai đoạn cách mạng mới. Nhận thức rõ những tồn tại và

khuyết điểm, Chi bộ kiên quyết đấu tranh với những tư tưởng lệch lạc, biểu hiện tiêu cực của chủ nghĩa cá nhân, vun vén cho lợi ích của bản thân, gia đình, gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ, bỏ bê việc đồng ruộng... Đây cũng là một bài học kinh nghiệm sâu sắc giúp Chi bộ quyết tâm khắc phục những tồn tại để phấn đấu vươn lên đạt Chi bộ khá, xuất sắc trong thời kỳ tiếp theo.

Kết thúc kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), Chi bộ Đảng và nhân dân xã Nhạn Môn đã đạt được một số kết quả khả quan. Quan hệ sản xuất mới dần được hình thành và ngày càng được củng cố. Hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã mua bán đã được xây dựng thúc đẩy kinh tế địa phương đi lên. Đời sống nhân dân đã được cải thiện, bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc. Quần chúng nhân dân phấn khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, ra sức thi đua lao động sản xuất. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, y tế, giáo dục được duy trì và đạt kết quả tốt. Chi bộ Đảng đã không ngừng trưởng thành cả về chất và lượng, từ yếu kém phấn đấu vươn lên trong thời kỳ tới. Hệ thống chính quyền và các đoàn thể quần chúng ngày càng vững mạnh, làm tốt chức năng quản lý, lãnh đạo, tổ chức điều hành. Những kết quả đạt được trên là bước đệm để Chi bộ Đảng và nhân dân xã Nhạn Môn vượt qua khó khăn, thử thách thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn tiếp theo.

II. Chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, tích cực chi viện cho tiền tuyến miền Nam, góp phần thống nhất đất nước (1965 - 1975)

1. Tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1965 - 1972)

Cuối năm 1964, đầu năm 1965, chiến lược *"Chiến tranh đặc biệt"* của Mỹ ở miền Nam ngày càng thất bại nặng nề. Để cứu vãn tình thế, đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân vào miền Nam, đồng thời, mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. Sau khi dựng lên *"Sự kiện Vịnh Bắc Bộ"*, tháng 8/1964, Mỹ bắt đầu mở rộng các hoạt động đánh phá miền Bắc, phá hoại tiềm lực về mọi mặt, nhằm gây sức ép với Chính phủ ta, giảm sức tiến công của lực lượng cách mạng miền Nam, hạn chế sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam. Trước tình hình đó, ngày 20/3/1965, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 11 bàn về nhiệm vụ của miền Bắc trong giai đoạn mới, xác định nhiệm vụ trước mắt của miền Bắc chuyển hướng chiến lược từ thời bình sang thời chiến; tiến hành đồng thời 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, tích cực chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam, đấu tranh thống nhất đất nước. Tại Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng tiếp tục khẳng định: *"Chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc"*, qua đó cả miền Bắc chính thức bước sang thời chiến.

Trong hoàn cảnh lịch sử mới, ngày 21/4/1965, hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Bắc Thái và Huyện ủy Chợ Rã, Chi bộ Đảng Nhạn Môn kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân củng cố thế trận chiến tranh nhân dân, sẵn sàng đánh bại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, chuyển hướng phát triển kinh tế, củng cố hậu phương, tăng cường công tác tư tưởng và tổ chức nhân dân. Toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân địa phương nêu cao quyết tâm cùng nhân dân miền Bắc chiến đấu, quyết không cho giặc Mỹ thực hiện được ý đồ của chúng.

Năm 1966, Đại hội Chi bộ Đảng xã Nhạn Môn lần thứ VII (nhiệm kỳ 1966 - 1968) được tổ chức. Đại hội đã xác định nhiệm vụ trọng tâm của thời kỳ này là: Nhanh chóng chuyển hướng công tác theo tinh thần Nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết của Tỉnh ủy, thực hiện khẩu hiệu *"Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược"*. Nhiệm vụ trước mắt là đẩy mạnh cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp, cải tiến kỹ thuật, phát triển sản xuất theo tinh thần của Chỉ thị số 105-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa III (tháng 8/1965). Đại hội đã bầu Chi ủy gồm 3 đồng chí, đồng chí Cà Thanh Tịnh được bầu làm Bí thư Chi bộ.

Thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, Chi bộ Đảng xã Nhạn Môn nhanh chóng chuyển mọi hoạt động từ thời

bình sang thời chiến. Nhân dân Nhạn Môn nêu cao khẩu hiệu *"Chắc tay súng, vững tay cày"*, vừa tích cực đẩy mạnh sản xuất, xây dựng hậu phương vững mạnh, vừa chuẩn bị các điều kiện về quân sự, sẵn sàng chiến đấu, góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Trong bối cảnh chiến sự đang đến gần, nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng chiến đấu bảo vệ quê hương được đặt lên hàng đầu. Đề phòng địch leo thang bắn phá, Chi bộ chỉ đạo lực lượng dân quân địa phương đẩy mạnh các biện pháp phòng không, trực chiến. Xã đội xây dựng kế hoạch đối phó với máy bay địch, đồng thời đảm bảo tình hình trị an tại địa phương. Trận địa chiến đấu được xây dựng trên các gò cao, hoặc những nơi có địa hình thuận lợi cho việc quan sát máy bay từ xa, đảm bảo trực chiến 24/24 giờ. Hằng năm, thực hiện chương trình quân sự của huyện, Xã đội đều tổ chức các đợt huấn luyện, sinh hoạt chính trị cho lực lượng dân quân. Sau mỗi đợt huấn luyện, đa số cán bộ, dân quân đều nhận thức đầy đủ, sâu sắc tình hình, nhiệm vụ mới, âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, so sánh lực lượng giữa ta và địch. Từ đó, xây dựng niềm tin chiến thắng, nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Thông qua các đợt huấn luyện này, trình độ kỹ thuật, chiến thuật tác chiến của cán bộ, chiến sỹ dân quân được nâng lên. Các tình huống đều được tập dượt như: bắn máy bay tầm thấp,

đánh địch đổ bộ đường không, bao vây thám báo, biệt kích và phi công Mỹ.

Cùng với đó, Chi bộ khẩn trương, tích cực thực hiện tuyên truyền và vận động nhân dân chủ động có phương án tránh trú an toàn khi địch leo thang ném bom. Cấp ủy Đảng và chính quyền chỉ đạo nhân dân khẩn trương di chuyển vào rừng khi có báo động.

Trong phát triển kinh tế nông nghiệp, quá trình thực hiện cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã đã bước đầu phát huy được tính tiến bộ của quan hệ sản xuất mới. Nhưng so với yêu cầu của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa, đặc biệt trong tình hình đất nước có chiến tranh thì chưa đáp ứng được. Chi bộ xác định muốn phát triển sản xuất thì phải cải tiến hợp lý hợp tác xã, thực hiện cuộc đấu tranh giữa 2 con đường tiên tiến và lạc hậu. Nhận thức rõ tầm quan trọng và ý nghĩa đó, Chi bộ Nhạn Môn đã tập trung lãnh đạo, quyết tâm thực hiện cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã trong thời kỳ mới. Nội dung của cuộc vận động về cơ bản là: cải tiến quy mô hợp tác xã nông nghiệp; cải tiến quản lý tài chính. Trong cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, theo chủ trương của trên, hợp tác xã chia nhỏ thành 2 hợp tác xã là: hợp tác xã Ngã Ba do ông Hoàng Ngọc Quỳnh làm Chủ nhiệm, hợp tác xã Bản Sấng do ông Nông Thanh Chài làm Chủ nhiệm.

Cấp ủy và chính quyền củng cố và giám sát hơn nữa hoạt động của hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng.

Trong cải tiến, các hợp tác xã ở địa phương đã tiến hành Đại hội xã viên, thông qua phương án sản xuất, bầu lại Ban quản trị. Ngoài định lượng do huyện phân phối, hợp tác xã mua bán còn chủ động tìm các nguồn để cung ứng các mặt hàng cần thiết kịp thời cho xã viên. Tích cực thu mua nông sản, nông phẩm do xã viên làm ra, giúp đẩy mạnh tăng gia sản xuất. Hợp tác xã tín dụng sử dụng nguồn tiền gửi của nhân dân và nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước để mở rộng xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất.

Hợp tác xã Nhạn Môn thường xuyên lập kế hoạch sản xuất hằng năm, xây dựng chỉ tiêu về diện tích, năng suất và sản lượng; chỉ tiêu về giống và cây trồng, vật nuôi, các biện pháp gieo cấy, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh. Hợp tác xã chỉ đạo nhân dân lấy sản xuất lương thực làm trọng tâm, mở rộng trồng thêm hoa màu... Công tác thủy lợi cũng được chú trọng, các tuyến mương phai dẫn nước được nạo vét, khơi thông dòng chảy, đảm bảo có đủ nước cho việc cày cấy. Nhờ đó, diện tích lúa 2 vụ không ngừng tăng lên. Đến năm 1969, tổng số diện tích cày cấy của xã đạt 611,5 bung, trong đó riêng hai hợp tác xã Bản Sấng và Ngã Ba có diện tích gieo trồng lớn nhất lần lượt là 370 và 173,7 bung, các xóm Phiêng Tạc, Nà Lảy, Nà Mèo, Khuổi Nồng có tổng diện tích là 70 bung.

Cùng với đó, các giống lúa mới cũng được đưa vào trồng thử nghiệm và bước đầu cho kết quả khá. Các biện pháp canh tác mới đã được áp dụng từ trước nay được cải tiến

hơn. Phong trào làm phân bón cũng được đẩy mạnh. Các nguồn phân như phân xanh, phân chuồng, tro bếp... được tận dụng bón cho ruộng. Để cải tạo đất, nhân dân tích cực cày ải, bừa sâu, làm cỏ sục bùn 2 - 3 lượt. Cán bộ hợp tác xã thường xuyên thăm đồng ruộng, kịp thời phát hiện sâu bệnh hại lúa và thông báo để xã viên tiến hành diệt trừ. Từ thói quen cấy thưa và tự do, xã viên chuyển dần sang cấy thẳng hàng và cấy dày. Các biện pháp kỹ thuật như xử lý giống trước khi gieo trồng, cấy ngửa tay, vệ sinh bờ ruộng... đều được áp dụng. Nhờ những biện pháp tích cực trên, năng suất và sản lượng lúa có phần tăng lên. Năm 1969, tổng sản lượng lúa của Nhạn Môn đạt 126,124 tấn, năng suất đạt 20,5 tạ/ha. Trong đó, hợp tác xã Bản Sấng đạt sản lượng cao nhất với 80.047,2kg, sau đó là hợp tác xã Ngã Ba là 32.783,8kg, hợp tác xã Phiêng Tạc đạt 6.429kg, hợp tác xã Khuổi Nồng đạt sản lượng 4.135kg. Năng suất lúa cao nhất đạt 22 tạ/ha tại hợp tác xã Bản Sấng.

Nhờ đó, trong 4 năm (1965 - 1969), thực hiện khẩu hiệu *"Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người"*, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ Đảng, nhân dân Nhạn Môn luôn hoàn thành việc đóng góp nghĩa vụ cho Nhà nước. Bình quân giai đoạn này xã đã đóng góp 17.100,5kg lương thực/năm.

Quán triệt chủ trương phát triển kinh tế nông nghiệp toàn diện do cấp trên đề ra, Chi bộ Đảng và chính quyền khuyến khích phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm để

đáp ứng nhu cầu của hộ gia đình, hợp tác xã và đóng góp nghĩa vụ cho Nhà nước. Bên cạnh đó, do xã có diện tích rừng khá lớn, vì vậy công tác tu bổ, khai thác và bảo vệ rừng cũng được Chi bộ quan tâm.

Cùng với kinh tế, Chi bộ Đảng cũng có nhiều biện pháp đẩy mạnh phát triển văn hóa, giáo dục, y tế. Trong điều kiện chiến tranh, các lớp học vẫn duy trì tốt. Giáo viên và học sinh đều hăng hái tham gia phong trào thi đua *"Hai tốt"* do ngành giáo dục phát động. Hoạt động bổ túc văn hóa cũng được chú ý duy trì và mở rộng ra nhiều lứa tuổi.

Công tác y tế của xã cũng được quan tâm và đẩy mạnh. Ban Y tế xã đã tích cực tuyên truyền phòng dịch, khám chữa bệnh cho nhân dân trong xã. Cấp ủy và chính quyền xã cũng đã tích cực chỉ đạo thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về phong trào *"Ba dứt điểm"* với 3 mục tiêu: giếng nước sạch; nhà tắm; hố tiêu hai ngăn được đông đảo nhân dân hưởng ứng.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ ngày càng thu hút và trở thành phong trào quần chúng rộng rãi, góp sức vào công cuộc xây dựng quê hương và đấu tranh chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Thanh niên và phụ nữ xã tổ chức nhiều hoạt động như diễn kịch, ca hát có nội dung tuyên truyền mang lại hiệu quả tích cực. Các khẩu hiệu ca ngợi Tổ quốc, ca ngợi Đảng và Bác Hồ được kẻ vẽ mang tính giáo dục cao. Các buổi sinh hoạt của thanh,

thiếu niên đều vang lời ca, tiếng hát góp phần động viên tinh thần của nhân dân trong xã. Những biểu hiện tiêu cực, lạc hậu bị đẩy lùi, giáo dục và ngăn chặn kịp thời, góp phần tạo nên lối sống lành mạnh ở địa phương.

Trong thời kỳ 1965 - 1972, xã đã cử dân công đi tham gia mở các tuyến đường Chợ Rã - Bằng Thành, Chợ Rã - Xuân La; tại địa phương, nhiều đường liên thôn, liên xã cũng được tu sửa, mở rộng, cải thiện một bước điều kiện đi lại và giao thông vận tải trong nhân dân. Mặc dù vậy, việc mở đường giao thông tại Nhạn Môn là công việc hết sức khó khăn, điều kiện tự nhiên phức tạp, lao động chủ yếu là thủ công, do vậy dù rất cố gắng nhưng cũng chưa đạt được kết quả như mong muốn.

Hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp mặc dù có những cố gắng nhất định nhưng do mặt bằng dân trí chưa cao, cán bộ và xã viên chưa phát huy được tinh thần làm chủ tập thể nên đã nảy sinh nhiều bất cập. Hơn nữa, xã viên không được hưởng trực tiếp quyền lợi do sức lao động của mình tạo ra mà thông qua hệ thống công điểm. Việc quản lý công điểm còn lỏng lẻo dẫn tới có hiện tượng *"rong công, phóng điểm"*, tình trạng làm ẩu, làm dối xuất hiện. Vì vậy mà mức sống của người dân tương đối thấp, đời sống có nhiều khó khăn, tình trạng thiếu ăn lúc giáp hạt vẫn xảy ra tại một số hộ khó khăn, neo người.

Trước tình hình đó, năm 1968, Đại hội Chi bộ xã Nhạn Môn lần thứ VIII (nhiệm kỳ 1968 - 1971), được tổ chức

với sự tham gia của 25 đảng viên trong toàn Chi bộ Đảng. Đại hội đánh giá hoạt động của hợp tác xã, xác định những hạn chế, khuyết điểm. Đại hội cũng đề ra phương hướng, mục tiêu cho thời gian tới, nhấn mạnh nhiệm vụ của các hợp tác xã là: nghiêm túc hoạt động, củng cố phong trào hợp tác hóa, xây dựng hợp tác xã làm ăn có hiệu quả, cải thiện rõ ràng hơn nữa đời sống nhân dân. Đại hội đã tiến hành bầu Ban Chi ủy gồm 5 đồng chí, đồng chí Chu Thanh Lương được bầu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Nông Thanh Chài làm Phó Bí thư Chi bộ, các đồng chí: Hoàng Ngọc Minh, Ma Thế Vàng, Ma Văn Lương làm Chi ủy viên.

Tiếp tục thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương về cuộc vận động Chi bộ *"bốn tốt"*, đảng viên *"bốn tốt"*, Chi bộ Đảng đã lãnh đạo triển khai đi vào chiều sâu, hướng vào việc phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên ở cơ sở; nâng cao vai trò của tổ chức cơ sở Đảng.

Năm 1968, Chi bộ đã chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 157-CT/TW ngày 21/02/1968 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về lãnh đạo bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. Nhân dân hăng hái đi bầu cử để chọn ra người có đủ năng lực và uy tín vào cơ quan quyền lực tại địa phương để đại diện cho tiếng nói của mình. Sau bầu cử, Hội đồng nhân dân xã Nhạn Môn khóa V (nhiệm kỳ 1969 - 1971) đã được kiện toàn gồm có 20 đại biểu, đại diện cho 4 đơn vị bầu cử: Đơn vị Nặm Khiếu (Sê A Cá, Phượng Văn Tỏn,

Chu Thị Thổ, Cà Sĩ Đào, Hoàng Ngọc Minh); đơn vị Bản Sấng (Cà Thị Lỵ, Cà Văn Cảu, Chu Thanh Lương, Cà Văn Kim, Ma Thị Thiện); đơn vị Ngã Ba (Hoàng Ngọc Quỳnh, Ma Thế Vàng, Cà Thanh Định, Nông Văn Khải, Ma Thị Ngoi); đơn vị Nà Lầy (Nông Thanh Chài, Lộc Thị Thơm, Hoàng Văn Nhuội, Đặng Văn Dìn, Ma Văn Thường). Trong đó, đại biểu trẻ tuổi nhất là 21 tuổi, đại biểu lớn tuổi nhất là 58 tuổi, có 5 đại biểu là nữ, 100% đại biểu là dân tộc thiểu số.

Trong kỳ họp đầu tiên của Hội đồng nhân dân xã khóa V, Ủy ban hành chính của xã Nhạn Môn cũng được bầu. Ủy ban hành chính xã có 7 thành viên, trong đó, đồng chí Nông Thanh Chài được bầu làm Chủ tịch Ủy ban; đồng chí Ma Thế Vàng làm Phó Chủ tịch phụ trách nội chính, tư pháp; đồng chí Hoàng Ngọc Minh làm Ủy viên Thư ký phụ trách khối thống kê; các đồng chí khác trong Ủy ban là: Chu Thị Thổ (Ủy viên, Trưởng Công an xã), Ma Văn Thường (Ủy viên, Xã đội trưởng), Hoàng Ngọc Quỳnh (Ủy viên, phụ trách khối văn hóa xã hội), Phượng Văn Tỏn (Ủy viên ngoài chuyên trách, phụ trách vùng cao). Kỳ họp Hội đồng cũng đã nhất trí thông qua các nghị quyết về quản lý hoa màu đưa vào hợp tác xã từ vụ hè thu năm 1969; kiên quyết lãnh đạo hợp tác xã, đầu tư vốn vào xây dựng chuồng trại để thu phân bón phục vụ đồng ruộng; xây dựng trụ sở Ủy ban hành chính xã và trạm xá; triển khai các biện pháp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Sau kỳ Đại hội và bầu cử Hội đồng nhân dân, Chi bộ phát động nhân dân thi đua yêu nước, tiến hành nhiều chương trình hành động cho phù hợp với từng giới, từng ngành. Hưởng ứng đợt phát động này, Chi bộ đã chỉ đạo các hợp tác xã xây dựng được chương trình *"Mười điều hành động cách mạng"* cho năm 1969 và các năm tiếp theo như sau:

1, Chấp hành tốt Luật Nghĩa vụ quân sự, đủ số quân, dân quân luyện tập đầy đủ.

2, Đảm bảo mỗi lao động chính tối thiểu 200 công, lao động phụ 120 công. Mỗi bung ruộng ít nhất bón 10 gánh phân, đưa năng suất bình quân mỗi bung ruộng lên 7 gánh. Mỗi gia đình làm một chuồng trâu xong trước ngày 19/10/1969.

3, Bán cho Nhà nước 480kg thịt lợn, 56kg gà vịt, 950kg hạt có dầu, 43kg bông hạt.

4, Mỗi gia đình gửi 5 đồng tiền tiết kiệm trở lên.

5, Đi dân công đủ số lượng và làm đủ ngày công.

6, Đẩy mạnh việc trồng cây ăn quả và bảo vệ rừng tốt.

7, Chấp hành đúng Chỉ thị 8, không cúng bói, đám hiếu, hỷ đúng quy định.

8, Sửa đường và bắc cầu nối các xóm.

9, Không xích mích mất đoàn kết, không còn hiện tượng buôn lậu, trộm cắp, quan hệ bất chính.

10, Nêu cao ý thức xây dựng hợp tác xã và lao động tập thể tốt hơn những năm trước.

Trong lúc Chi bộ và nhân dân Nhạn Môn đang ra sức thi đua xây dựng thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, thì ngày 02/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu qua đời. Chi bộ Đảng và chính quyền xã cùng toàn thể nhân dân Nhạn Môn đã tổ chức lễ truy điệu và để tang Người trong niềm tiếc thương vô hạn. Biến đau thương thành hành động cách mạng, cán bộ, đảng viên và nhân dân nhiệt tình hưởng ứng các phong trào thi đua lập công dâng Bác trên mặt trận sản xuất, học tập, công tác và chiến đấu... Chi bộ phát động nhân dân *"Nhớ ơn Hồ Chủ tịch, quyết tâm làm theo Di chúc của Người":*

1, Thi đua thực hiện tốt 10 điều hành động của hợp tác xã.

2, Thu hoạch nhanh gọn vụ mùa, chọn đủ giống cho vụ sau, chia lương thực theo định suất đóng góp chính sách, nộp thuế và làm nghĩa vụ cho Nhà nước xong trước hạn.

3, Hoàn thành chuồng trâu, hố xí, nhà tắm trong toàn xã, chuẩn bị dự trữ đủ phân bón cho ruộng đồng (mỗi bung 20 gánh trở lên).

4, Chấp hành nghiêm chỉnh Chỉ thị 8, Nghị quyết 6 về công tác bài trừ mê tín và xây dựng đời sống văn hóa

5, Các ngành, các đơn vị, hợp tác xã, thôn bản xây dựng kế hoạch năm 1970.

Năm 1971, Đại hội Chi bộ xã Nhạn Môn lần thứ IX (nhiệm kỳ 1971 - 1974) được tiến hành. Đại hội đánh giá những hoạt động trong nhiệm kỳ trước, đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới. Nghị quyết Đại hội xác định: ra sức lao động, sản xuất đảm bảo đời sống nhân dân; tiếp tục củng cố tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể; đẩy mạnh chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước. Đại hội bầu Chi ủy nhiệm kỳ mới gồm 3 đồng chí, đồng chí Nông Thanh Chài[1] được tín nhiệm bầu làm Bí thư Chi bộ.

Thực hiện nghị quyết của Đại hội Chi bộ, nhân dân xã Nhạn Môn bắt tay vào sản xuất, đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới. Chi bộ đã chỉ đạo hợp tác xã lên kế hoạch sản xuất cho những năm 1971 - 1972, phong trào thi đua lao động sản xuất trong thời kỳ này diễn ra khá sôi nổi.

Trong tình hình mới, công tác xây dựng và củng cố tổ chức Đảng được Chi bộ quan tâm đặc biệt. Do những yếu tố khách quan và chủ quan, công tác kết nạp đảng viên mới trong giai đoạn này có phần giảm sút. Trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của Huyện ủy, Chi bộ phát động phong trào toàn dân xây dựng Đảng. Quần chúng nhân dân được phát huy quyền dân chủ, thẳng thắn góp ý, phê

1. Năm 1972, đồng chí Cà Thanh Định giữ chức Bí thư Chi bộ.

bình đảng viên và giới thiệu những đảng viên có năng lực, phẩm chất tốt vào Chi ủy. Các hiện tượng ngại khó, ngại khổ, vi phạm đạo đức đảng viên vì thế có phần giảm rõ rệt, chất lượng đảng viên và tổ chức Đảng được nâng lên.

Thực hiện Chỉ thị số 192-CT/TW (ngày 26/10/1971) của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc *"Đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng trong cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh"*, từ năm 1972, Chi bộ tập trung mọi biện pháp nhằm tăng cường rèn luyện, giáo dục để đảng viên đạt các yêu cầu do Trung ương đề ra: nâng cao chất lượng chính trị, năng lực công tác, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ; sửa đổi lề lối làm việc, tác phong công tác, lãnh đạo; nâng cao ý chí cách mạng phấn đấu vì sự nghiệp của Đảng; tôn trọng phát huy quyền làm chủ của nhân dân; chống tham ô, lãng phí; đưa sinh hoạt Đảng vào nền nếp; quyết tâm vượt qua mọi thử thách để đánh thắng đế quốc Mỹ, giành thắng lợi cuối cùng. Quán triệt tinh thần của Chỉ thị trên, công tác tự kiểm điểm được Chi bộ nghiêm túc thực hiện, trách nhiệm, nhiệm vụ của từng đảng viên được cấp ủy phân công rõ ràng. Những cán bộ không học tập, rèn luyện nâng cao năng lực và những đảng viên thoái hóa biến chất, mất tín nhiệm trong quần chúng lần lượt bị đưa ra khỏi Đảng.

Để tăng cường giáo dục ý thức trách nhiệm, xây dựng niềm tin và tinh thần cách mạng của đảng viên và nhân

dân, Chi bộ xã Nhạn Môn phát động đợt học tập theo tinh thần của bài viết *"Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân"* của đồng chí T.L[1]. Nhất là sau khi Hồ Chủ tịch mất, thực hiện tinh thần chỉ đạo của cấp trên, Chi bộ triển khai đợt sinh hoạt *"Học tập, làm theo Di chúc của Hồ Chủ tịch"*, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thấy rõ hơn công lao và sự nghiệp vĩ đại của Người; đem hết nghị lực phụng sự cách mạng theo gương Người; nêu cao ý chí phấn đấu, khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Đối với công tác cán bộ, Chi bộ thực hiện sắp xếp nhân sự phù hợp với năng lực, trình độ và khả năng chuyên môn để phát huy hiệu quả trong công việc. Nhiều đồng chí được cử đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn và lý luận chính trị.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Nông hội... luôn tích cực tập hợp, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tăng cường đoàn kết, thi đua sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và đóng góp cho Nhà nước. Đoàn Thanh niên sôi nổi tham gia phong trào *"Ba sẵn sàng"*, luôn là lực lượng xung kích đi đầu trong mọi phong trào trên địa bàn xã, Hội Phụ nữ tiếp tục phát động các chị em thi đua thực hiện phong trào *"Ba đảm đang"*.

1. Bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, một số mặt công tác và sản xuất trên địa bàn xã cũng còn những hạn chế nhất định cần khắc phục: Ý chí phấn đấu, vai trò tiên phong gương mẫu, tinh thần trách nhiệm của đảng viên chưa thật rõ ràng; tính chủ động sáng tạo, khơi dậy và phát huy được những tiềm năng, lợi thế của địa phương chưa cao; ý thức tổ chức và chấp hành nghị quyết còn nhiều hạn chế; công tác xây dựng hợp tác xã còn bộc lộ nhiều yếu kém trong cả công tác quản lý lẫn tổ chức công việc, sự gắn kết giữa các hợp tác xã chưa cao.

Trong những năm 1965 - 1972, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ và chính quyền xã, nhân dân Nhạn Môn đã vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, thực hiện tốt nhiệm vụ chuyển hướng sang thời chiến. Các hợp tác xã vận hành tốt, đánh dấu bước chuyển mạnh mẽ phong trào hợp tác hóa của địa phương. Công tác giáo dục, văn hóa, y tế được củng cố; khối Đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả, tạo nền tảng cho việc chi viện cho tiền tuyến miền Nam. Tranh thủ thời gian hòa bình, Chi bộ Nhạn Môn lãnh đạo nhân dân ra sức phục hồi và phát triển sản xuất, thực hiện tốt các nhiệm vụ mà các kỳ Đại hội Chi bộ xã đã đề ra.

2. Tích cực xây dựng hậu phương, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược (1973 - 1975)

Sau thất bại nặng nề của cuộc tập kích bằng không quân vào Hà Nội, Hải Phòng và một số nơi ở miền Bắc, trước sức ép trên chính trường ngoại giao của ta, Mỹ buộc phải tuyên bố chấm dứt ném bom đánh phá miền Bắc, ngồi vào bàn đàm phán Pa-ri. Ngày 27/01/1973, Hiệp định Pa-ri được ký kết, miền Bắc hòa bình lập lại, nhân dân Nhạn Môn vô cùng phấn khởi cùng nhân dân cả nước bước vào thời kỳ mới, đấu tranh thống nhất nước nhà. Tuy vậy, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai không từ âm mưu phá hoại nền độc lập, tự do của nước ta. Ngày 28/01/1973, Trung ương Đảng ra lời kêu gọi nhân dân cả nước: *"Tăng cường đoàn kết, đề cao cảnh giác, củng cố những thắng lợi đã giành được, hoàn thành độc lập dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình, thống nhất nước nhà"*.

Sau những năm tháng vừa chống chiến tranh phá hoại, vừa tập trung sản xuất, nhân dân Nhạn Môn dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền đã giành được những thắng lợi quan trọng, luôn là đơn vị hăng hái chiến đấu và phục vụ chiến đấu, hăng say sản xuất, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng chung. Thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện mới, những năm 1973 - 1975, Đảng bộ và nhân dân xã Nhạn Môn ra sức thi đua đẩy mạnh sản xuất, xây dựng cuộc sống mới và tiếp tục chi viện cho miền Nam tiến tới thống nhất đất nước.

Chi ủy tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế, cải thiện hơn nữa đời sống nhân dân. Thực hiện nghị quyết

Đại hội, cán bộ và nhân dân xã Nhạn Môn hăng hái thi đua sản xuất. Trên lĩnh vực nông nghiệp, Chi bộ tập trung chỉ đạo công tác quản lý lao động, quản lý kinh tế của hợp tác xã để hiệu quả sản xuất cao hơn, đưa đời sống nông dân đi vào ổn định. Các công cụ lao động mới và cải tiến đã được tập trung triển khai đưa vào canh tác, giúp cải thiện đáng kể năng suất lao động.

Hợp tác xã cử một số cán bộ đi tham quan, học tập mô hình sản xuất giỏi ở các địa phương bạn, qua đó các kinh nghiệm quản lý và sản xuất đã được áp dụng linh hoạt, sáng tạo. Các giống lúa mới như Trân châu lùn, Mộc tuyền, CR203... cũng đã được đưa vào gieo trồng, góp phần tăng năng suất và chất lượng. Các biện pháp thâm canh, tăng vụ, những tiến bộ khoa học kỹ thuật được áp dụng rộng rãi và dần trở nên phổ biến trong các hợp tác xã.

Phong trào làm phân bón vốn đã được Chi bộ tích cực triển khai từ trước, nay đã phát triển rộng rãi trong toàn xã. Ngoài các nguồn phân chuồng được lấy từ chăn nuôi gia súc, các hộ xã viên tận dụng các loại lá cây để ngâm ủ phân xanh. Thời kỳ này, theo chỉ đạo của hợp tác xã, tính trung bình mỗi bung ruộng được bón 20 gánh phân. Nhờ các biện pháp kỹ thuật mà năng suất lúa bình quân của giai đoạn này đã cao hơn giai đoạn trước đó, bình quân đạt khoảng 350 kg/bung/năm.

Cùng với sản xuất lương thực, chăn nuôi trong giai đoạn này cũng đã có những bước tiến đáng kể. Với thế

mạnh là một xã vùng núi, đồng cỏ nhiều, khu vực chăn thả rộng lớn, nhân dân vốn có tập quán chăn nuôi gia súc lớn, vì vậy Chi bộ coi đây là một trong những mũi nhọn trong phát triển kinh tế. Đến năm 1975, tổng số đàn trâu, bò của xã là khoảng 110 con. Gia cầm cũng được chăn nuôi tại các hộ gia đình, vừa là nguồn thực phẩm, đồng thời cũng để đóng góp nghĩa vụ cho Nhà nước. Cũng trong thời gian này, nhân dân chú ý hơn tới các phương pháp chăn nuôi, bảo vệ che chắn chuồng trại, sưởi ấm cho gia súc, gia cầm khi có gió rét, tận thu rơm rạ vào mùa gặt, lấy đó làm nguồn thực phẩm đề phòng những ngày mưa rét không thể chăn thả trâu, bò.

Bên cạnh việc trồng các loại cây truyền thống để đảm bảo an ninh lương thực, Chi bộ chỉ đạo hợp tác xã đưa vào trồng các loại cây công nghiệp, cây ăn quả có giá trị kinh tế cao như bông, ngô, cây lấy dầu, chuối, đậu đỗ các loại. Về lâm nghiệp, Chi bộ tích cực làm tốt công tác tư tưởng, phát động nhân dân bảo vệ và phát triển rừng, trồng mới tại một số đồi trống.

Năm 1973 - 1974, hoạt động sản xuất có nhiều thay đổi và tiến bộ lớn, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý của huyện mở đã tạo điều kiện cho lãnh đạo hợp tác xã tham gia nâng cao kỹ năng, hướng dẫn nghiệp vụ kiểm kê, thanh toán cho thành viên hợp tác xã tín dụng...

Đi đôi với nhiệm vụ lãnh đạo sản xuất, Chi ủy cũng chú trọng đến công tác văn hóa, xã hội, trước hết là

đẩy mạnh giáo dục. Nhằm tạo điều kiện cho con em địa phương đi học được thuận lợi, trường cấp I Nhạn Môn được xây dựng năm 1974 tại thôn Phai Khỉm, cơ sở ban đầu là nhà cấp 4, với 3 lớp học. Thực hiện khẩu hiệu *"Dạy tốt, học tốt"*, phong trào học tập trong học sinh và thầy, cô giáo tích cực được đẩy mạnh; chú trọng hơn đến việc bồi dưỡng học sinh giỏi, giáo viên dạy giỏi. Chất lượng đào tạo nâng cao hơn trước. Phát huy kết quả và kinh nghiệm của những giai đoạn trước, phong trào bổ túc văn hóa, xóa mù chữ của Nhạn Môn trong giai đoạn này đã đạt được những kết quả tích cực.

Công tác y tế tiếp tục được củng cố, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trong xã. Trạm xá được xây dựng và đi vào hoạt động từ năm 1973 đã bước đầu làm tốt công tác khám chữa bệnh ở tuyến cơ sở, cán bộ y tế tuyên truyền, vận động người dân ăn ở, sinh hoạt hợp vệ sinh. Trạm xá cũng tham mưu cho cấp ủy và chính quyền đẩy mạnh thực hiện khẩu hiệu *"Phòng bệnh hơn chữa bệnh"*.

Lĩnh vực văn hóa thông tin tiếp tục được chú ý nhằm tạo không khí vui tươi trong các thôn bản, dần dần xóa bỏ các hủ tục mê tín, xây dựng nếp sống văn minh. Ngoài ra, công tác văn hóa - thông tin của xã còn được đẩy mạnh với nhiều hoạt động cụ thể nhằm tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, nhất là tin

thắng trận của quân dân ta ở miền Nam, góp phần tạo động lực cho hậu phương thi đua với tiền tuyến.

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Chi ủy, Ban Công an xã phối hợp cùng Ban Chỉ huy Xã đội hoạt động thường xuyên, nêu cao tinh thần cảnh giác, đề phòng các phần tử xấu trà trộn, gây rối tại địa phương. Nhờ vậy, tình hình trật tự trị an trên địa bàn được giữ vững. Ban Chỉ huy Xã đội thường xuyên thực hiện công tác huấn luyện dân quân, đảm bảo sẵn sàng đối phó với các tình huống bất ngờ. Mỗi chiến sỹ dân quân luôn giữ vững ý chí chiến đấu, sử dụng thành thạo những loại vũ khí được trang bị và nắm bắt các phương án tác chiến. Trong công tác tuyển quân, Chi bộ Nhạn Môn lãnh đạo Xã đội tăng cường công tác tư tưởng, vận động thanh niên đi khám tuyển nghĩa vụ quân sự. Hằng năm, xã đều hoàn thành và vượt chỉ tiêu cấp trên giao.

Năm 1974, Đại hội Chi bộ xã Nhạn Môn lần thứ X (nhiệm kỳ 1974 - 1976) được tổ chức. Đại hội xác định nhiệm vụ trọng tâm là phát triển kinh tế - xã hội, tạo chuyển biến nhanh và mạnh mẽ hơn nữa sản xuất, đóng góp xứng đáng cho chiến trường miền Nam, thống nhất đất nước. Đối với công tác Đảng, Đại hội xác định ngoài việc củng cố tổ chức Đảng, kiên quyết loại bỏ những đảng viên không đủ tư cách, quan tâm hơn nữa công tác phát triển và kết nạp đảng viên mới. Chi ủy đã được bầu ra gồm 3 đồng chí. Được sự nhất trí và tín nhiệm cao, đồng chí Cà Thanh Định đã được bầu làm Bí thư Chi bộ.

Năm 1975, Chi bộ xã tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 228-NQ/TW (ngày 12/01/1974) của Bộ Chính trị *"Về cuộc đấu tranh chống lấy cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, chống làm ăn phi pháp, tăng cường quản lý lao động, quản lý thị trường, giữ vững trật tự trị an, phục vụ tốt phong trào sản xuất và tiết kiệm, phục vụ đời sống nhân dân"*, Nghị quyết số 240-NQ/TW về *"Tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng"*. Thêm vào đó, thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, công tác đánh giá, phân loại đảng viên cũng được quan tâm, hằng năm đều sàng lọc, phân loại đảng viên để có phương hướng nhân sự trong những năm tiếp theo.

Trong quá trình lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ ở địa phương, xuất phát từ vai trò của Chi bộ, Chi ủy đã xác định phải thường xuyên giáo dục chính trị, tư tưởng, chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đảng viên, xây dựng đội ngũ cán bộ cách mạng. Đồng thời khi thực hiện chủ trương, nghị quyết của cấp trên, Chi bộ luôn vận dụng một cách sáng tạo vào thực tế địa phương. Vì vậy, Chi bộ Nhạn Môn luôn hoàn thành các nhiệm vụ chính trị mà cấp trên giao phó.

Cùng với công tác củng cố và xây dựng tổ chức Đảng, công tác củng cố và kiện toàn bộ máy chính quyền cũng được cấp ủy quan tâm chỉ đạo. Thời kỳ này, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã do đồng chí Chu Thanh Lương đảm nhiệm. Ủy ban hành chính thực hiện tốt vai trò quản lý